THÔNG TIN

KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

VIETNAM AGRICULTURAL EXTENSION NEWSLETTER

Số 4
2015

- QUẢNG TRỊ: HIỆU QUẢ TỪ MỘT MÔ HÌNH KHUYẾN NGƯ
- BỆNH ĐỐM TRẮNG Ở TÔM NUÔI VÀ CÔNG NGHỆ NUÔI TÔM NHẰM PHÒNG, CHỐNG BỆNH ĐỐM TRẮNG
- QUY TRÌNH PHÒNG TRỪ TỔNG HỢP BỆNH THỐI ĐEN QUẢ CA CAO

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Ban cố vấn Diễn đàn trực tiếp giải đáp các câu hỏi của đại biểu

Ảnh: Vũ Tiết Sơn - Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Các đại biểu thăm mô hình trồng thanh long ruột đỏ tại hộ anh Nguyễn Văn Kỷ (người đầu tiên bên phải), xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

Ảnh: Nguyệt Thư

Toàn cảnh Lớp tập huấn ToT cấp tỉnh về sản xuất cà phê bền vững tại Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Ảnh: Nguyệt Thư

KẾT LUẬN CỦA BỘ TRƯỞNG CAO ĐỨC PHÁT TẠI HỘI NGHỊ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT SẮN BỀN VỮNG

Ngày 18/5/2015, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Cao Đức Phát chủ trì Hội nghị "Phát triển sản xuất sắn bền vững". Ngày 01/6/2015, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông báo số 4245/TB-BNN-VP về Kết luận của Bộ trưởng. Nội dung cụ thể như sau:

1. Thời gian qua, Bộ đã phối hợp với các địa phương tổ chức thực hiện nhiều giải pháp phát triển cây sắn bền vững, hiệu quả. Tuy nhiên, năng suất cây sắn hiện nay còn thấp so với nhiều nước trên thế giới, phương thức canh tác chủ yếu còn lạc hậu, dịch bệnh trên cây sắn vẫn là nguy cơ tiềm ẩn, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu ở dạng thô và phụ thuộc quá lớn vào một thị trường.

2. Một số giải pháp chủ yếu

a) Về giống và kỹ thuật canh tác

- Các viện nghiên cứu thuộc Bộ tiếp tục nghiên cứu, chọn tạo hoặc nhập nội các giống sắn mới có năng suất cao, khả năng chống chịu tốt với dịch bệnh. Viện Di truyền nông nghiệp cần có kế hoạch hợp tác với Trung tâm Hợp tác quốc tế Nghiên cứu phát triển Nông nghiệp (CIRAD) đẩy mạnh nhập khẩu giống sắn và nguồn gen có đặc tính trội.

- Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tăng cường khuyến nông để tuyên truyền cho nông dân biết các quy trình canh tác tiên tiến; phối hợp với Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tiếp tục xem xét mở rộng các dự án khuyến nông đối với cây sắn.

- Cục Bảo vệ thực vật tập trung chỉ đạo hướng dẫn các địa phương quyết liệt trong công tác phòng chống dịch bệnh, trước mắt xử lý ngay bệnh chổi rồng, rệp sáp bột hồng và các loài sâu bệnh khác trên cây sắn.

- Ở các địa phương có dịch hại phát triển, cần thành lập cơ sở nhân thiên địch đảm bảo cung ứng kịp thời để phòng trừ dịch bệnh trên cây sắn.

- Tổng cục Thủy lợi tổ chức nghiên cứu, tổng kết các mô hình tưới sắn để rút kinh nghiệm phổ biến ra diện rộng.

b) Về tổ chức sản xuất

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu chăm sóc, thu hoạch ở những vùng có điều kiện góp phần giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả, tăng thu nhập cho người sản xuất. Cục Chế biến nông lâm thủy sản và Nghề muối rà soát để bổ sung các chính sách ưu đãi trong việc đổi mới thiết bị ngành sắn.

- Các địa phương vận động nông dân dồn điền, đổi thửa, khuyến khích cho thuê đất, mượn đất để hình thành những vùng sản xuất nguyên liệu quy mô lớn tập trung; tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh tế.

c) Về chế biến, tiêu thụ

- Cục Chế biến nông lâm thủy sản và Nghề muối chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Nhiên liệu sinh học Việt Nam và Hiệp hội Sắn Việt Nam nghiên cứu, đề xuất chính sách khuyến khích phát triển chế biến sắn trong ngành sắn; chính sách tín dụng ưu đãi tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư thiết bị xử lý môi trường (nước thải trong nhà máy chế biến tinh bột sắn).

- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Sắn Việt Nam làm việc với các cơ quan liên quan của Bộ Tài nguyên và Môi trường để sớm điều chỉnh tiêu chí môi trường nhằm giảm chi phí trong đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến tinh bột sắn.

- Cục Chế biến nông lâm thủy sản và Nghề muối chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan của Bộ Công thương để đẩy mạnh, mở rộng thị trường xuất khẩu các sản phẩm sắn của Việt Nam.

d) Về tổ chức thực hiện

- Hiệp hội Sắn Việt Nam và Hiệp hội Nhiên liệu sinh học Việt Nam cần tiếp tục khẳng định vai trò tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sắn.

- Cục Trồng trọt chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp sản xuất và chế biến sắn xây dựng vùng sản xuất tập trung có đầu tư thâm canh để có điều kiện tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Đồng thời khuyến cáo rộng rãi quy trình trồng sắn bền vững cho nông dân ở các vùng trồng sắn tập trung, hướng dẫn các địa phương xóa bỏ trồng sắn theo phương thức quảng canh.

- Cục Chăn nuôi xem xét, đề xuất đưa bã sắn vào danh mục thức ăn chăn nuôi.

- Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam đề xuất để hỗ trợ Trung tâm Nghiên cứu, thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc (thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam) tiếp tục phát triển nghiên cứu về cây sắn.

- Vụ Hợp tác quốc tế và các viện nghiên cứu thuộc Bộ tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các nước trong các lĩnh vực nghiên cứu, đầu tư phát triển ngành sắn. Hiệp hội Sắn Việt Nam và Hiệp hội Nhiên liệu sinh học Việt Nam cần chủ động phối hợp và đề xuất kế hoạch thực hiện■

BBT (*gt*)

HỘI NGHỊ SƠ KẾT SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2014 - 2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2015 CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Ngày 26/5/2015, Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình tổ chức Hội nghị "Sơ kết sản xuất vụ đông xuân 2014 - 2015, triển khai kế hoạch sản xuất vụ hè thu, vụ mùa và định hướng sản xuất vụ đông 2015 các tỉnh phía Bắc". Thứ trưởng Lê Quốc Doanh, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình Phạm Văn Ca đồng chủ trì Hội nghị.

Theo Cục Trồng trọt, vụ lúa đông xuân 2014 - 2015 ở phía Bắc đã sản xuất theo hướng thích ứng với vụ xuân ấm, được đánh giá là hiệu quả bởi áp dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật nên năng suất lúa đạt 61,9 tạ/ha, tuy nhiên vẫn giảm 0,6 tạ/ha so với vụ đông xuân năm ngoái. Trong đó vùng đồng bằng sông Hồng đạt 65,1 tạ/ha, cao hơn vùng miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

Kế hoạch sản xuất lúa vụ hè thu, vụ mùa 2015 đạt 1.325 nghìn ha, trong đó vụ mùa vùng đồng bằng sông Hồng là 560 nghìn ha; năng suất lúa trung bình đạt 50,1 tạ/ha và sản lượng đạt 6.632 nghìn tấn. Kế hoạch vụ đông 2015 dự kiến diện tích 446.160 ha, trong đó chủ lực là cây ngô đông với 144.554 ha, đậu tương 49.146 ha và rau các loại 184.190 ha.

Khó khăn nhất trong vụ sản xuất đông xuân năm nay ở miền Bắc chính là vấn đề đầu ra cho sản phẩm, do vậy cần có kế hoạch đầu ra cho thị trường nông sản, đặc biệt là các sản phẩm rau màu, ưu tiên các mô hình sản xuất gắn với doanh nghiệp tiêu thụ.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Lê Quốc Doanh nhấn mạnh một số điểm nổi bật trong sản xuất lúa vụ đông xuân 2014 - 2015 như sau:

- Tuân thủ sử dụng giống ngắn ngày, chất lượng cao, cấy mạ non và cấy muộn sau tiết Lập xuân luôn đảm bảo lúa sinh trưởng tốt, năng suất cao, ít rủi ro.

- Kết hợp tốt giữa công tác thủy lợi điều hành nước tưới và trồng trọt nên vừa đảm bảo nước tưới cho lúa vừa tiết kiệm nước cho phát điện.

- Nhiều tiến bộ kỹ thuật được áp dụng trên diện rộng như cánh đồng mẫu lớn, gieo thẳng, cấy thưa bằng máy, tưới nước tiết kiệm, giống lúa mới…

- Thời gian tới các đơn vị thuộc Bộ cùng các địa phương tập trung thu hoạch lúa đông xuân, chủ động phòng tránh mưa úng đầu vụ gây thất thoát lúa đã chín. Chuẩn bị tốt cho sản xuất vụ hè thu và vụ mùa tới, đặc biệt lựa chọn và khuyến cáo các giống lúa thích hợp cụ thể cho từng vùng, tăng cường công tác dự báo sâu bệnh hại và thiên tai bão lũ, theo dõi và hướng dẫn sử dụng có hiệu quả nguồn nước tưới, tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp…

- Hệ thống khuyến nông cần có kế hoạch tăng cường năng lực cho cán bộ khuyến nông các cấp, tập huấn cho nông dân nâng cao năng lực sản xuất cây trồng, vật nuôi phù hợp với tái cơ cấu ngành và địa phương■

TS. TRẦN VĂN KHỞI
PGĐ.Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Toàn cảnh Hội nghị

ĐỂ PHÁT TRIỂN HỒ TIÊU BỀN VỮNG!

Ngày 18/6/2015 vừa qua, tại huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Gia Lai tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chuyên đề "Giải pháp phát triển hồ tiêu bền vững khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ". Đồng chủ trì Diễn đàn có TS. Phan Huy Thông, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia; ông Nguyễn Văn Hòa, Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt; ông Nguyễn Nhĩ, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Gia Lai. Tham gia Diễn đàn gồm những chuyên gia từ Cục Trồng trọt, Viện Bảo vệ thực vật, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm Tây Nguyên, Trung tâm Nghiên cứu Hồ tiêu và trung tâm khuyến nông các tỉnh trong vùng. Gần 350 đại biểu, trong đó có 240 nông dân trồng hồ tiêu đã quan tâm và tham gia trao đổi với hơn 30 câu hỏi tại Diễn đàn.

Diễn đàn này đã tạo điều kiện để bà con cập nhật thông tin về hiện trạng, chính sách phát triển cây hồ tiêu, kiến thức kỹ thuật trồng và chăm sóc, chất lượng hồ tiêu, giới thiệu các mô hình điển hình trong vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên. Đồng thời cũng nêu lên những tồn tại, khó khăn trong thực tế sản xuất hiện nay, từ đó đưa ra giải pháp để cây hồ tiêu phát triển ngày càng bền vững, mang lại hiệu quả cao, xứng đáng là 1 trong 6 sản phẩm xuất khẩu nổi tiếng của Việt Nam.

TS. Phan Huy Thông - GĐ.Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phát biểu tại Diễn đàn

Từ sự phát triển ngoạn mục:

Từ ba thập kỷ trở lại đây, khi giá hồ tiêu trên thị trường thế giới tăng cao thì diện tích, sản lượng, năng suất hồ tiêu nước ta liên tục tăng nhanh. Nếu năm 1970 chỉ có 400 ha thì đến năm 2000 đã tăng lên gần 28 ngàn ha, năm 2014 đạt 85,6 ngàn ha, vượt diện tích quy hoạch hơn 30.000 ha. Trong đó có hơn 90% diện tích trồng hồ tiêu ở vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Song song với sự phát triển nhanh chóng về diện tích và sản lượng, thì xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam cũng tăng mạnh với tốc độ 15 - 20% mỗi năm. Năm 2001, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu lớn nhất thế giới với tổng lượng xuất khẩu đạt 56,5 tấn, chiếm gần 30% tổng xuất khẩu của thế giới. Đến nay, hồ tiêu Việt Nam đã xuất khẩu tới gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có thị trường Mỹ và các nước EU.

Hồ tiêu là cây thế mạnh của Việt Nam, đã làm thay đổi cuộc sống của nhiều nông dân ở vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên, từ đây xuất hiện nhiều tỷ phú, triệu phú. Năm 2014, sản lượng thu hoạch đạt 156,4 ngàn tấn, tăng 16,38% so vụ 2013, chiếm 58% thị phần xuất khẩu toàn cầu; giá trị kim ngạch đạt hơn 1,2 tỷ USD, tăng 34,7% so với năm 2013. Trong 5 tháng đầu năm 2015 xuất khẩu 74 ngàn tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 677 triệu USD.

Đến sự phát triển bấp bênh, rủi ro và nhiều thách thức:

Bùng nổ về diện tích trồng: Do giá cả hồ tiêu đang hấp dẫn so với nhiều cây trồng khác nên diện tích hồ tiêu phát triển hết sức "nóng", hơn 80.000 ha, năng suất bình quân đạt trên 5 tấn/ha. Diện tích trồng mới chủ yếu ở những vùng không thuận lợi về điều kiện tự nhiên đã khiến sản xuất luôn ở tình trạng bấp bênh, chi phí đầu tư cao hơn. Đặc biệt, từ năm 2016, dự báo giá hồ tiêu có thể suy giảm do cung cầu đã cân đối thì nhiều nông dân trồng hồ tiêu có thể sẽ

Các đại biểu thăm mô hình trồng tiêu áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt tại hộ anh Lê Hữu Huấn xã Ia Blang, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

phải đối mặt với tình trạng "được mùa - mất giá" như một số nông sản hiện nay.

Canh tác chưa bền vững: Diện tích tăng nhanh cùng với sự thâm canh quá mức bởi tâm lý nôn nóng muốn thu được năng suất và sản lượng nhiều nhất trong thời gian ngắn nhất đang là cách làm phổ biến hiện nay của nông dân trồng hồ tiêu tại nhiều vùng. Đặc biệt, tại những nơi trồng mới, nông dân thiếu kinh nghiệm và thiếu kiến thức về canh tác bền vững; giống tiêu lại chưa được nghiên cứu chọn lọc có hệ thống, dễ nhiễm sâu bệnh, đặc biệt là bệnh do nấm và vi khuẩn gây nên, nhiều hộ gia đình từ giàu có đã bị trắng tay vì cây tiêu.

Chất lượng chưa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: Do sản xuất không tuân theo quy trình sử dụng phân bón cũng như thuốc bảo vệ thực vật nên Hiệp hội Gia vị châu Âu đã cảnh báo về dư lượng hoá chất trên hồ tiêu Việt Nam nhập vào châu Âu, vấn đề này đã cho thấy trở ngại lớn đối với ngành hồ tiêu Việt Nam nếu muốn tăng sản lượng xuất khẩu trong thời gian tới.

Để hồ tiêu phát triển bền vững:

Trước thực trạng nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành hồ tiêu Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, diện tích trồng hồ tiêu cả nước duy trì và ổn định ở mức 50 ngàn ha, diện tích cho sản phẩm 47 ngàn ha, năng suất đạt 30 tạ/ha, sản lượng đạt 140 ngàn tấn, sản phẩm tiêu chất lượng cao đạt 90%; kim ngạch xuất khẩu đạt 1,2 - 1,3 tỷ USD. Để đạt được mục tiêu đó, tại Diễn đàn đã đưa ra một số giải pháp chủ yếu như sau:

- Khẩn trương rà soát quy hoạch sản xuất hồ tiêu trên địa bàn và có kế hoạch từng bước giảm diện tích những vùng ít thích hợp và không thích hợp. Hình thành vùng sản xuất hồ tiêu tập trung; xây dựng cơ sở thu mua, chế biến từng bước tiến tới sản xuất hồ tiêu an toàn, có thương hiệu.

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết, tổ hợp tác để chia sẻ kinh nghiệm, áp dụng kỹ thuật canh tác an toàn, kịp thời phòng ngừa dịch hại.

- Nghiên cứu có hệ thống và đồng bộ các giải pháp với cây hồ tiêu từ chọn tạo giống, quy trình canh tác thực hành sản xuất tốt GAP, chế biến, bảo quản.

- Tăng cường đầu tư, đổi mới công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm hồ tiêu để nâng cao giá trị gia tăng.

- Tích cực xây dựng "chỉ dẫn địa lý hồ tiêu" tại các vùng trồng nổi tiếng để tăng hiệu quả sản xuất.

Có thể nói ngành hồ tiêu Việt Nam là một trong những ngành nông sản có lợi thế cạnh tranh cao và nhiều tiềm năng tăng trưởng bởi hồ tiêu luôn có thị trường tốt. Tuy nhiên, hồ tiêu lại là loài cây gia vị rất "cay", nếu chúng ta làm không tốt thì chúng sẽ trở nên rất "đắng". Vì vậy, nếu giải quyết được vấn đề sản xuất theo chuỗi, xây dựng vùng sản xuất theo quy hoạch thì ngành hồ tiêu sẽ phát triển bền vững, mang lại giá trị cao hơn và ổn định hơn cho người trồng tiêu■

THU HẰNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Các đại biểu trao đổi để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng bệnh chết nhanh, chết chậm trên cây hồ tiêu tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai

Đắk Nông:
Hiệu quả của phương pháp tập huấn tại mô hình Ở HUYỆN ĐẮK GLONG

Huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông là một huyện sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ hộ đói nghèo chiếm khoảng 76%, phần lớn kinh tế của các hộ phụ thuộc vào cây cà phê. Trong những năm qua, các cấp, ngành trong huyện đã tổ chức nhiều lớp tập huấn về cây cà phê nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Thực tế tại địa phương, nhiều người dân tham gia tập huấn chỉ vì tiền trợ cấp mà không quan tâm đến chất lượng, nội dung tập huấn. Hơn nữa, hầu hết các lớp tập huấn không có thực hành nên người dân khó nắm bắt được kỹ thuật và áp dụng vào thực tiễn sản xuất của gia đình.

Trong học tập, ngoài việc giới thiệu trên lý thuyết, người dân rất cần sự hướng dẫn thực hành, được "tai nghe, mắt thấy" để có thể tin tưởng học tập và làm theo. Đặc biệt, với những hộ nghèo, không hiểu tiếng phổ thông thì để có một vườn cà phê đẹp cần thiết phải có người hướng dẫn lại cho các hộ bằng tiếng bản địa.

Từ thực trạng và nhu cầu trên, việc hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây cà phê cho người dân tại huyện Đắk Glong thông qua mô hình thực tế, hướng dẫn tận nơi đã được triển khai, áp dụng. Đây là phương pháp người dân tập huấn cho người dân, cùng nhau phát triển kinh tế, học hỏi và trao đổi kinh nghiệm.

Sơ đồ Phương pháp tập huấn thông qua mô hình thực tế như sau:

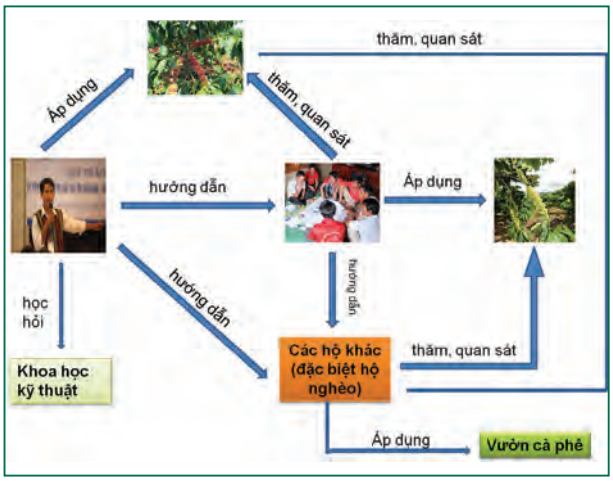

Bà con nông dân chia sẻ kinh nghiệm tại hiện trường

Với phương pháp "vết dầu loang", sử dụng một số nông dân nòng cốt nắm chắc kỹ thuật trồng thâm canh cây cà phê để tập huấn và giúp các hộ khác áp dụng kỹ thuật đã được hướng dẫn vào vườn cà phê của mình, sau đó kết hợp với việc đưa các hộ nông dân xung quanh thăm, quan sát tại rẫy cà phê để các hộ có thể áp dụng kỹ thuật trên các rẫy cà phê của hộ gia đình.

Khi các hộ xung quanh đã nắm chắc kỹ thuật, các hộ sẽ cùng nhau hướng dẫn, giúp đỡ các hộ khác đặc biệt là các hộ nghèo, dần dần các hộ sẽ áp dụng và thay đổi cách làm trong canh tác cà phê. Với cách làm này, hộ nào có điều kiện tốt áp dụng đúng theo khoa học kỹ thuật, hộ nào chưa có điều kiện thì áp dụng một phần trong khả năng của mình (như cách cắt cành, làm bồn, tưới nước,…).

Phương pháp làm với tiêu chí việc làm nhỏ, thay đổi lớn sẽ tạo ra sức mạnh đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng để cùng nhau phát triển kinh tế, cùng nhau xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn■

NGUYỄN ĐỨC TÍN
Trạm Khuyến nông Khuyến ngư huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông

Quảng Trị: HIỆU QUẢ TỪ MỘT MÔ HÌNH Khuyến ngư

Trong những năm qua, Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Trị đã xây dựng nhiều mô hình nuôi các đối tượng mới, có giá trị kinh tế cao như: cua biển, cá rô đầu vuông, cá rô phi đơn tính, cá chình, cá lóc... Một trong những mô hình đạt hiệu quả cao và có khả năng nhân rộng đó là mô hình nuôi cá lóc trong bể xi-măng.

Ông Nguyễn Ngọc Thường ở thôn Đại Hào, xã Triệu Đại, huyện Triệu Phong là người có thâm niên nuôi cá hơn 10 năm nuôi các đối tượng chủ yếu là cá lóc, cá trê. Tuy nhiên, do chỉ nuôi theo kinh nghiệm nên không thu được kết quả cao. Năm 2012, được sự hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Trị, ông đã mạnh dạn triển khai mô hình nuôi cá lóc trong bể xi-măng trên diện tích 120 m^2. Tham gia mô hình, ông được hỗ trợ con giống, thức ăn cho cá, được cán bộ kỹ thuật của Trung tâm hướng dẫn kỹ thuật nuôi, cách quản lý chăm sóc cá trong suốt quá trình thực hiện. Số lượng cá giống thả nuôi là 3.000 con, kích cỡ cá giống từ 600 - 700 con/kg. Chỉ sau 6 tháng chăm sóc, đàn cá lóc đã đạt trọng lượng trung bình 1 - 1,2 kg/con, tỷ lệ sống đạt trên 70%. Với giá bán cá lóc thương phẩm từ 80.000 - 85.000 đồng/kg, trừ chi phí ông thu lãi 40 - 50 triệu đồng.

Chia sẻ một số kinh nghiệm trong quá trình nuôi cá lóc, ông Thường cho biết: Ông mua cá lóc giống tại trại giống uy tín ở Huế. Thức ăn dùng cho cá lóc chủ yếu là các loài cá nhỏ, còn tươi được mua ở biển Cửa Việt. Đây là nguồn thức ăn dồi dào nhưng giá thành lại rẻ, giúp cá lóc nhanh lớn.

Theo ông Thường, trong nuôi cá lóc, khó nhất là 2 tháng nuôi đầu tiên. Lúc này thức ăn cho cá phải là cá tươi hấp chín, gỡ thịt cho cá lóc ăn 2 lần/ngày vào lúc sáng sớm và chiều mát. Ông Thường giải thích: Cho cá lóc ăn cá tươi hấp chín giai đoạn này để cá không quen với mùi tanh, hạn chế chúng ăn thịt lẫn nhau. Sau 2 tháng nuôi có thể giảm số lần cho ăn còn 1 lần/ngày cá hấp chín. Nên cho cá ăn vào buổi trưa lúc 11 - 12 giờ, vì vào thời điểm này, sau khi ăn no cá ít vận động nên hạn chế tiêu tốn thức ăn. Bể nuôi láng nhẵn phần nền, có bờ gạch bao quanh. Trong mỗi bể nuôi cần thiết kế hệ thống cống cấp và thoát nước, tốt nhất là thiết kế ống xả đáy để có thể tháo toàn bộ chất thải và thức ăn dư thừa của cá lóc ra ngoài, hạn chế ô nhiễm môi trường nuôi. Nguồn nước lấy vào ao nuôi phải sạch, không bị ô nhiễm. Thời gian đầu, nên lấy nước từ mương thủy lợi, sau khi cá quen thì có thể cấp thêm nước giếng. Lưu ý là trong quá trình nuôi không thay toàn bộ nước trong bể nuôi mà chỉ nên thay tối đa là 50%.

Với những kinh nghiệm rút ra sau khi thực hiện mô hình nuôi cá lóc thương phẩm, hiện nay mỗi năm ông Thường thả nuôi 2 lứa cá lóc, lứa đầu từ tháng 2 đến tháng 6 và lứa 2 từ tháng 7 tháng 12 âm lịch, thu về 1,1 - 1,2 tấn cá thương phẩm, thu lãi hơn 100 triệu đồng. Thị trường tiêu thụ cá lóc khá ổn định, nuôi được bao nhiêu là bán hết bấy nhiêu.

Chị Hoàng Thùy Trang - cán bộ kỹ thuật trực tiếp chỉ đạo mô hình cho biết: Ưu điểm của phương thức nuôi cá lóc trong bể xi-măng đó là dễ kiểm soát môi trường nước và dịch bệnh, chủ động được nguồn nước và ít rủi ro do thiên tai. Tuy nhiên để nuôi cá đạt hiệu quả kinh tế cao thì phải chú ý đảm bảo con giống tốt và tuân thủ chặt chẽ kỹ thuật nuôi. Từ thành công của mô hình đầu tiên được thực hiện tại hộ ông Nguyễn Ngọc Thường, đến nay tính riêng trên địa bàn xã Triệu Đại đã có 5 hộ thực hiện mô hình này.

Theo Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Quảng Trị Nguyễn Thanh Tùng: Kết quả của mô hình cho thấy việc mô hình cá lóc trong bể xi-măng mang hiệu quả kinh tế khá. Hơn nữa, mô hình này khá phù hợp với điều kiện tự nhiên ở các vùng đồng bằng, ven biển, mỗi hộ chỉ cần 15 - 20 m^2 bể trở lên đã có thể nuôi đối tượng này. Sự thành công của mô hình không chỉ đa dạng hóa được đối tượng nuôi, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, giảm thiểu rủi ro về môi trường, giảm chi phí đầu tư... mà còn được coi là một trong những giải pháp mang tính bền vững và có hiệu quả cao cho người sản xuất. Trong thời gian tới, Trung tâm sẽ có kế hoạch để nhân rộng mô hình nuôi cá lóc trong ao trong bể xi-măng nhằm giúp cho bà con nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích■

THỤC QUYÊN

HUYỆN ĐÔNG TRIỀU ĐÓN NHẬN DANH HIỆU HUYỆN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI 2015

Chương trình Xây dựng Nông thôn mới của huyện Đông Triều đã huy động được sự tham gia của các LLVT, ĐVTN và nhân dân

Sau hơn 4 năm xây dựng nông thôn mới, ngày 21/4/2015, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2015, huyện đầu tiên của miền Bắc đạt chuẩn nông thôn mới.

Đông Triều có 178 thôn, khu phố. Để đạt được danh hiệu huyện Nông thôn mới, một trong những bài học kinh nghiệm của Đông Triều chính là đã tập trung đẩy mạnh tuyên truyền để người dân - chủ thể chính của chương trình hiểu rõ mục đích, mục tiêu của nông thôn mới với chủ trương "Tuyên truyền rộng, vận động sâu; Cán bộ đi đầu, nhân dân hưởng ứng".

Cách đây 4 năm - cụm từ "Xây dựng Nông thôn mới" là khái niệm hoàn toàn xa lạ với người dân Đông Triều. Năm 2011, khi chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai trên địa bàn huyện, lúc đầu nhiều người dân ở đây không nhận thức được đầy đủ và toàn diện về nội dung xây dựng nông thôn mới. Với họ, xây dựng nông thôn mới là gì và xây dựng nông thôn mới như thế nào luôn là những câu hỏi thường trực. Vì vậy, để người dân hiểu được mình chính là "chủ thể" của chương trình, tích cực tham gia cùng với địa phương, không trông chờ Nhà nước thì điều quan trọng nhất là phải làm thay đổi tư duy của bà con thông qua công tác tuyên truyền.

Ngay sau khi Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh ban hành Nghị quyết số 01 về xây dựng nông thôn mới, cả hệ thống chính trị của Đông Triều đã vào cuộc. Hàng loạt các biện pháp được huyện triển khai đồng bộ. Trước tiên là sự nêu gương của cán bộ, đảng viên từ huyện đến cơ sở. Đồng thời, các đồng chí lãnh đạo huyện còn trực tiếp đi sâu, đi sát tận cơ sở để vận động người dân.

Bà Phạm Thị Khuyên ở thôn Đông Sơn, xã Bình Khê phấn khởi nói: "Thời gian đầu, chúng tôi cũng chưa hiểu lắm về xây dựng nông thôn mới, không hiểu mình sẽ phải làm gì, được hưởng những gì. Nhưng sau khi được cán bộ huyện, xã, thôn tuyên truyền, giải thích và trực tiếp nêu gương, chúng tôi ai cũng đồng tình ủng hộ hiến đất, góp công, góp của làm đường giao thông nông thôn, tích cực phát triển sản xuất…"

Với nhận thức "nhà nước hỗ trợ một phần - nhân dân tổ chức triển khai thực hiện", người dân trong huyện đều hưởng ứng tích cực tham gia các công trình xây dựng nông thôn mới như hiến đất, vật kiến trúc, đóng góp ngày công, tiền đối ứng... Tổng nguồn lực huy động cho chương trình xây dựng Nông thôn mới của Đông Triều trong 4 năm qua là trên 4.588 tỷ đồng, trong đó vốn huy động từ cộng đồng dân cư và doanh nghiệp là trên 2.230 tỷ đồng, chiếm gần 50%.

Ông Hoàng Văn Thắng - Phó Bí thư thường trực Thị ủy Đông Triều khẳng định: "Đạt được kết quả như hiện nay chính là nhờ sức dân. Để hình thành nên sự chung sức đồng lòng ấy thì vai

trò của đội ngũ cán bộ cơ sở rất quan trọng, nhất là các đồng chí Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác mặt trận, Trưởng thôn ở các địa phương. Xuất phát từ phương châm nhận thức đúng, hành động đúng, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của đội ngũ cán bộ từ huyện đến cơ sở nên trong 4 năm qua, các đoàn thể, đơn vị, xã, thôn của Đông Triều đều phát huy cao nhất vai trò, trách nhiệm, đứng ra đảm nhận hàng chục mô hình dân vận khéo tiêu biểu như: Xây dựng khu dân cư "sáng, đẹp, an toàn" của Mặt trận Tổ quốc; mô hình Thu gom rác thải của Hội Liên hiệp phụ nữ; mô hình "Thắp sáng đường quê" của Hội Cựu chiến binh; phong trào thi đua "Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi" của Hội Nông dân và xây dựng hàng trăm hầm Biogas xử lý chất thải chăn nuôi, bể chứa rác thải ngoài đồng ruộng của Đoàn Thanh niên… Đến hết năm 2014, Đông Triều đã hoàn thành được 352/361 tiêu chí cần phải thực hiện và 730/741 chỉ tiêu, đã có 15/19 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định, đạt 78,9%. Trong đó, có 11 xã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Riêng xã Hưng Đạo còn được tặng thưởng công trình phúc lợi 1 tỷ đồng. Trong 4 xã còn lại, có 2 xã cơ bản đạt tiêu chí xã nông thôn mới. Theo đánh giá của Đông Triều, việc triển khai Chương trình Xây dựng Nông thôn mới đã góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực nông thôn, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Đông Triều được tập trung đầu tư. Diện mạo nông thôn được thay đổi nhanh chóng, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng lên, thu nhập của người dân khu vực nông thôn trên địa bàn Đông Triều tăng từ 14,5 triệu đồng/năm (năm 2010) lên 27,9 triệu đồng/năm (năm 2014). Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn 19 xã năm 2014 chỉ còn 0,87%. Đến nay, 19/19 xã đã bê-tông hóa được 100% đường xã và liên thôn. Văn hóa, xã hội, môi trường khu vực nông thôn có chuyển biến tích cực. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự được giữ vững.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, Đông Triều đã phê duyệt các quy hoạch tổng thể, quy hoạch lĩnh vực của ngành nông nghiệp và chỉ đạo quản lý, triển khai thực hiện. Các vùng sản xuất tập trung được quy hoạch gắn với xây dựng thương hiệu như: Vùng nếp cái hoa vàng, vùng na dai, vùng chăn nuôi tập trung, vùng nhựa thông, vùng nuôi trồng thủy sản... Cùng với đó, Đông Triều còn đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất ở khu vực nông thôn. Trong năm 2015, Đông Triều phấn đấu 4 xã còn lại đạt tiêu chí xã nông thôn mới, 30% số thôn đạt nông thôn mới kiểu mẫu, 80% số khu phố đạt đô thị văn minh, tập trung thực hiện tiêu chí: "Sáng -xanh - sạch - đẹp". Đặc biệt, Đông Triều sẽ tập trung hoàn thành Đề án và quy hoạch xây dựng "nông thôn tiên tiến" tại 3 xã Bình Khê, An Sinh, Việt Dân.

Những cách làm khoa học, sáng tạo, hiệu quả và gắn xây dựng nông thôn mới với xây dựng đô thị đã giúp Đông Triều đạt danh hiệu huyện Nông thôn mới đầu tiên của tỉnh Quảng Ninh song hành với việc trở thành thị xã. Đến với Đông Triều hôm nay, có thể cảm nhận được khoảng cách của các xã và phường được thu hẹp lại bởi diện mạo nông thôn nơi đây đang thay đổi toàn diện theo hướng của một đô thị văn minh, một thị xã năng động, đổi mới phía Tây của tỉnh Quảng Ninh■

THU TRANG

Huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Sau nhiều năm lăn lộn với cây, với đất, anh Phạm Nhân Ái ở thôn Mãn Xá Tây, xã Hà Mãn, huyện Thuận Thành đã chọn lọc và lai tạo thành công giống bưởi ruột đỏ Ái Nhân. Đây là giống bưởi quý đã được anh đăng ký Bảo hộ giống cây trồng Quốc gia năm 2010. Giống bưởi ruột đỏ Ái Nhân không chỉ là niềm tự hào của người đã tạo ra nó mà còn mở thêm hướng phát triển kinh tế cho nhiều người dân nơi đây.

Để tìm hiểu về giống bưởi này, chúng tôi đã đến thăm gia đình anh Phạm Nhân Ái. Qua trao đổi, chúng tôi được biết: Trước đây, cây trồng chủ lực của gia đình anh là cây nhãn, nhưng loại cây này cho hiệu quả không cao, năm được mùa, năm mất mùa. Vì vậy, anh thấy cần phải thay thế cây nhãn bằng một giống cây ăn quả khác để cải thiện đời sống gia đình. Anh đã tự tìm tòi học hỏi các mô hình ở các địa phương trong và ngoài tỉnh và nhận thấy cây bưởi có giá trị kinh tế cao, có nhiều ưu điểm phù hợp với vùng đất quê anh.

Năm 2006, anh chặt bỏ vườn nhãn 12 năm tuổi, dọn sạch vườn, cải tạo lại đất. Anh đi khắp các vùng quê trong tỉnh sưu tầm các quả bưởi về ăn thử và chọn lọc ra những quả có nhiều ưu điểm, sau đó nghiên cứu nhân hạt và lai ghép, rồi trồng thử nghiệm trên diện tích 2 sào. Sau nhiều lần thất bại, gia đình, bạn bè cũng khuyên nên dừng lại, lựa chọn nghề phù hợp để làm ăn, nhưng lòng đam mê "nghiệp vườn" khiến anh càng tin tưởng và quyết tâm làm bằng được giống bưởi đặc trưng cho quê hương mình.

Đến nay, sau gần 10 năm lăn lộn, anh Ái đã tuyển chọn thành công giống bưởi ruột đỏ Ái Nhân. Vườn của gia đình

Bắc Ninh: *Người thành công với* GIỐNG BƯỞI RUỘT ĐỎ ÁI NHÂN

anh hiện có hơn 40 gốc cho quả, mỗi cây có khoảng 40 - 60 quả, bán với giá bình quân 60.000 đồng/quả (thời điểm Tết Nguyên đán có giá 100.000 đồng/quả), thu được khoảng 90 triệu đồng. Tuy nhiên, thu hoạch từ quả bưởi chỉ là một phần nhỏ trong kế hoạch mở rộng sản xuất của anh. Vì đây là giống bưởi quý lại dễ trồng, dễ chăm sóc nên anh đang tích cực nhân giống để bán cho bà con trong vùng. Mỗi năm, anh sản xuất, cung ứng ra thị trường 2.000 cây giống, giá bán từ 40.000 - 60.000 đồng/cây, thu được khoảng 100 triệu đồng.

Bưởi ruột đỏ Ái Nhân có quả hình tròn, trọng lượng quả từ 1,6 - 2,2 kg, cá biệt có quả nặng 2,8 kg. Giống bưởi này chín vào dịp Tết Nguyên đán nên dễ tiêu thụ, bán được giá cao. Quả hái xuống nếu bảo quản đúng quy cách có thể lưu giữ được từ 3 - 4 tháng mà vẫn giữ nguyên màu sắc, hương vị. Khi chín, bưởi có màu vàng sẫm, cùi mỏng, múi to, ruột múi màu đỏ mọng nước, tôm ráo, vị ngọt thanh, có mùi rất thơm… Nhận thấy chất lượng và hiệu quả kinh tế của giống bưởi đỏ Ái Nhân, không ít hộ dân trong thôn cũng như ở các khu lân cận đã tìm đến mua giống và nhờ anh Ái tư vấn cách trồng.

Anh Ái cho biết: "Trồng bưởi ruột đỏ Ái Nhân khá đơn giản, chỉ cần người trồng nắm được kỹ thuật là trồng thành công, chăm sóc và bón phân thì tuỳ từng tuổi cây mà bón lượng phân thích hợp. Chính vì chất lượng tốt nên

Anh Phạm Nhân Ái giới thiệu giống bưởi ruột đỏ Ái Nhân tại Hội chợ Triển lãm Nông nghiệp Quốc tế (AgroViet) 2014

bưởi đỏ Ái Nhân đã trở thành một thương hiệu được thị trường ưa chuộng, sản phẩm không phải lo đầu ra. Từ năm 2010 đến nay, năm nào bưởi đỏ Ái Nhân cũng được Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Bắc Ninh lựa chọn để trưng bày và giới thiệu tại Hội chợ Triển lãm Nông nghiệp quốc tế (AgroViet) diễn ra tại Hà Nội. Toàn bộ số bưởi trưng bày đã được tiêu thụ hết, ngoài ra, nhiều doanh nghiệp thương lái trong và ngoài nước còn đặt hàng".

Bưởi đỏ Ái Nhân đã được Viện Di truyền nông nghiệp Việt Nam trực tiếp về thẩm định và đưa ra nhận định: Màu sắc, hương vị, chất lượng dinh dưỡng của giống bưởi này không thua kém bất kỳ loại bưởi nổi tiếng nào của nước ta, thậm chí thời gian bảo quản còn cao hơn các loại bưởi khác. Giống bưởi này thích nghi tốt với thổ nhưỡng và khí hậu miền Bắc, khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, cho năng suất, chất lượng cao nên phù hợp để trồng đại trà.

Được biết, trong thời gian tới, anh Ái sẽ thuê đất nông nghiệp của bà con trong thôn để ươm giống và trồng bưởi cành, bưởi thế. Ngoài ra anh cũng đang chú trọng đến việc giới thiệu, quảng bá thương hiệu bưởi đỏ Ái Nhân để đông đảo người dân trong cũng như ngoài nước biết tới. Đây sẽ là hướng đi mới, mở ra nhiều cơ hội cho giống bưởi quí này tiếp cận thị trường, có cơ hội cạnh tranh thương hiệu với những giống bưởi nổi tiếng khác của cả nước như bưởi Diễn, Đoan Hùng, Da Xanh, Năm Roi…■

NGUYỄN THỊ HOÀI
Trung tâm KNKN Bắc Ninh

Tiền Giang:
HIỆU QUẢ CÁC MÔ HÌNH SINH KẾ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Được sự hỗ trợ của Tổ chức Cứu trợ trẻ em, Trung tâm Khuyến nông Tiền Giang đã thực hiện dự án "Chương trình thích ứng biến đổi khí hậu (BĐKH) lấy trẻ em làm trọng tâm" với mục tiêu nâng cao nhận thức cộng đồng về tác hại của BĐKH, tìm ra các mô hình sinh kế thích ứng BĐKH, giảm thiểu rủi ro cho người sản xuất, tạo thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân.

Dự án thực hiện 5 mô hình sản xuất lúa chất lượng cao thích ứng BĐKH; 13 mô hình nuôi dê an toàn sinh học và 1 mô hình nuôi gà an toàn sinh học tại 7 xã thuộc thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông từ tháng 4/2013 đến tháng 4/2015.

Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao được thực hiện tại 5 xã: Bình Đông, Bình Xuân thuộc thị xã Gò Công và Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Điền thuộc huyện Gò Công Đông. Kỹ thuật "3 giảm 3 tăng" được áp dụng trong vụ hè thu và "1 phải 5 giảm" trong vụ thu đông, mỗi vụ 10 ha/xã. Mô hình có 139 hộ tham gia, trong đó 30,9% là hộ nghèo. Dự án đã hỗ trợ 100% các giống lúa OM 4900, OM 5451, Nàng Hoa 9 cấp xác nhận và 30% vật tư chính thực hiện mô hình. Các giống lúa sử dụng trong mô hình đều có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, có khả năng chống chịu tốt với phèn, hạn, mặn, ít mẫn cảm với rầy nâu, sâu bệnh, dễ trồng, năng suất cao. Trong quá trình thực hiện, dự án tổ chức tập huấn, tham quan mô hình, hội thảo đầu bờ cho những hộ sản xuất trong và ngoài mô hình để chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật trong trồng lúa, đồng thời cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên đến hộ sản xuất để tư vấn, hướng dẫn theo cách "cầm tay chỉ việc".

Mô hình nuôi dê an toàn sinh học

Ngoài ra, dự án còn tổ chức sơ kết đánh giá qua từng vụ, qua đó giúp cho nông dân có điều kiện rút kinh nghiệm trong sản xuất, đồng thời tuyên truyền, nhân rộng mô hình.

Ngoài việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất lúa, mô hình còn chú trọng đến yếu tố thích ứng với điều kiện BĐKH và góp phần giảm nhẹ tác động tiêu cực của các yếu tố thời tiết khí hậu cực đoan như: việc gieo sạ đúng lịch thời vụ theo khuyến cáo sẽ giúp hạn chế rủi ro, thiệt hại do mưa bão trong vụ hè thu và do hạn mặn, xì phèn đầu vụ thu đông; chọn giống chịu tốt với hạn, mặn, có thời gian sinh trưởng ngắn (90 - 95 ngày); áp dụng kỹ thuật tưới "ngập - khô xen kẽ" giúp bộ rễ lúa ăn sâu, hạn chế đổ ngã; sử dụng phân bón hợp lý, không bón thừa phân đạm giúp lúa sinh trưởng khỏe, ít sâu bệnh, nhất là các bệnh như đạo ôn, khô vằn, lem lép hạt,…

Qua 2 vụ, cả 5 mô hình sản xuất lúa đều đạt kết quả tốt, năng suất lúa đạt bình quân 5,5 tấn/ha, lợi nhuận bình quân 15 triệu đồng/ha. So với sản xuất lúa đại trà, giá thành sản xuất giảm 200 - 270 đồng/kg do giảm lượng lúa giống gieo sạ, giảm công và chi phí bơm nước, giảm 2 - 4 lần phun thuốc trừ sâu bệnh,… trong khi đó năng suất lại cao. Các hộ nghèo có lợi nhuận tăng thêm 1.100.000 - 1.485.000 đồng/ha, cá biệt có những hộ có lợi nhuận tăng thêm 4,9 triệu đồng/ha.

Những kết quả tích cực từ mô hình sản xuất lúa đã góp phần tác động thay đổi nhận thức của người dân trong việc trồng lúa thích ứng với BĐKH, mặt khác chính nhờ lợi nhuận tăng thêm đã dẫn đến sự đồng tình của người dân nhờ đó sẽ giúp cho mô hình có khả năng nhân rộng và bền vững. Hơn nữa, trong xu thế hiện nay, các mô hình sản xuất giảm phát thải khí nhà kính được ngành nông nghiệp rất quan tâm và chỉ đạo thực hiện, do đó, kết quả từ dự án đã cung cấp thêm mô hình sinh kế vừa giảm thiểu rủi ro, thích ứng với BĐKH, vừa giảm chi phí sản xuất, đây chắc chắn là mô hình sẽ được duy trì và nhân rộng.

Bên cạnh mô hình trồng lúa thích ứng BĐKH, dự án đã hỗ trợ nông dân xây dựng mô hình chăn nuôi dê an toàn sinh học thích ứng với BĐKH.

Có 156 hộ nghèo trong số 263 hộ tham gia mô hình. Dự án đã hỗ trợ cho mỗi hộ dân 1 con dê đực và 1 con dê cái Bách Thảo với mục đích trong thời gian ngắn có thể giúp bà con cải thiện đời sống khó khăn của gia đình. Ngoài ra, có 3 hộ ở 3 xã Kiểng Phước, Phước Trung và Bình Xuân được hỗ trợ mỗi hộ 1 con dê đực Boer để phối giống, cải tạo đàn dê các xã trong vùng dự án.

Giống dê Bách Thảo thích nghi tốt với điều kiện địa phương và ít có nguy cơ rủi ro trong điều kiện BĐKH. Sau gần 1 năm thực hiện, hiện nay đã có 70 con dê cái đã đẻ, 128 con mang thai, mỗi con dê cái đẻ từ 1 - 2 con, tất cả dê con đều được bà con giữ lại nuôi để tăng đàn. Ngoài ra, đã có 152/260 dê đực Bách Thảo đạt trọng lượng 32 - 37 kg/con nên đã được bán với giá 100 - 110 nghìn đồng/kg, cho thu nhập khoảng 3 triệu đồng/con. Giống dê đực Boer khỏe mạnh, nên sau 3 - 4 tháng nuôi đã có thể đưa vào khai thác, giúp nhanh chóng cải thiện tầm vóc của đàn dê địa phương, góp phần tăng hiệu quả kinh tế cho người nuôi.

Do hầu hết các hộ tham gia đều là hộ nghèo, chưa có kinh nghiệm nuôi dê nên cán bộ kỹ thuật phải thường xuyên hướng dẫn kỹ thuật, từ kỹ thuật làm chuồng trại, trồng cỏ, cách cho ăn, uống, vệ sinh chuồng trại, cách chăm sóc theo qui trình chăn nuôi an toàn sinh học. Phân dê được thu gom, ủ hoai và bón cho cây trồng để giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường. Những biện pháp kỹ thuật của dự án giúp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất và mang lại những lợi ích thiết thực về kinh tế là nguyên nhân cơ bản giúp mô hình có tính bền vững và có thể nhân rộng.

Mô hình chăn nuôi gà an toàn sinh học hỗ trợ 4.000 con gà tàu lai nòi với sự tham gia của 20 hộ dân. Sau 3,5 tháng nuôi, đàn gà đạt yêu cầu về kỹ thuật, tuy nhiên do giá gà lúc xuất bán xuống thấp, nên lợi nhuận bình quân chỉ đạt 3 triệu đồng/hộ.

Nhìn chung, các nội dung dự án đã đạt được mục tiêu đề ra, các mô hình sinh kế phù hợp đã mang lại lợi ích cho các hộ tham gia, nhất là các hộ nghèo, các đối tượng tham gia là phụ nữ. Dự án đã cung cấp những kiến thức cần thiết cho cộng đồng về những tác hại của BĐKH, những biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro, thiệt hại trong quá trình sản xuất bằng những giải pháp kỹ thuật được áp dụng trong các mô hình sinh kế thích ứng với BĐKH. Những kết quả tích cực từ các mô hình nêu trên đã góp phần tác động thay đổi nhận thức của người dân trong việc trồng lúa, chăn nuôi thích ứng với BĐKH, mặt khác chính nhờ lợi nhuận tăng thêm từ các mô hình sinh kế đã làm tăng tính bền vững của mô hình, điều này thể hiện qua việc đã có nhiều người dân trong vùng hưởng ứng làm theo.

Các đại biểu thăm mô hình sản xuất lúa chất lượng cao

Dưới đây, xin chia sẻ kinh nghiệm khi xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi của dự án như sau:

1. Cần có thông tin chi tiết về mục đích của dự án, tiêu chí chọn hộ hưởng lợi; Các định mức hỗ trợ của dự án phải được chính quyền và người dân hiểu rõ. Thực hiện công khai và minh bạch về các khoản hỗ trợ.

2. Tất cả các hoạt động của dự án đều phải có sự tham gia của chính quyền địa phương.

3. Cần có cán bộ kỹ thuật tận tình tư vấn, hướng dẫn người dân; Các kỹ thuật chuyển giao cho hộ nghèo chủ yếu bằng phương pháp "cầm tay chỉ việc".

4. Cần bầu chọn Tổ trưởng mô hình là người có uy tín, có khả năng tiếp thu tốt để dẫn dắt các hộ tham gia mô hình.

5. Trong các hộ tham gia mô hình, cần có khoảng 1/4 - 1/3 số hộ có kinh nghiệm trong sản xuất, có khả năng tiếp thu tốt để đảm bảo mô hình đạt kết quả tốt và có khả năng hướng dẫn cho các hộ nghèo, khó khăn.

6. Thường xuyên tổ chức các đợt chia sẻ kinh nghiệm theo các giai đoạn quan trọng của mô hình để nâng cao nhận thức cho người dân.

7. Cần phối hợp với các cơ quan chuyên môn như Trạm Khuyến nông, Phòng Nông nghiệp và PTNT trong quá trình thực hiện các hoạt động của dự án.

8. Các hoạt động dự án được ghi lại qua tài liệu, hình ảnh, báo cáo,… để phục vụ công tác chia sẻ thông tin về dự án.

9. Kết quả của dự án là cơ sở để các địa phương xác định cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, các giải pháp kỹ thuật phù hợp phát triển sản xuất tại địa phương■

TRẦN THANH PHONG
GĐ. Trung tâm Khuyến nông Tiền Giang

THÁI NGUYÊN:
HẠT KIỂM LÂM HUYỆN PHÚ LƯƠNG
làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng

Huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên có hơn 19.000 ha rừng. Trước năm 2010, hoạt động khai thác, cất giữ, mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật trên địa bàn diễn biến phức tạp, đặc biệt ở một số địa bàn trọng điểm giáp ranh với huyện Đồng Hỷ của tỉnh và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Trước tình hình trên, ông Ngô Thanh Sơn, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Phú Lương đã nghiên cứu học hỏi, áp dụng nhiều sáng kiến, đổi mới trong lĩnh vực chuyên môn và lãnh đạo nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý bảo vệ rừng (QLBVR) và quản lý lâm sản trên địa bàn huyện.

Cán bộ kiểm lâm kiểm tra cơ sở chế biến gỗ

Cùng với việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho lực lượng tham gia bảo vệ rừng, Hạt kiểm lâm huyện Phú Lương còn tăng cường phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình huyện thực hiện các phóng sự, chuyên mục quản lý bảo vệ rừng hàng tháng… Tập trung vào công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, tập huấn kỹ thuật trồng rừng cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện. Riêng năm 2014, Hạt Kiểm lâm đã tổ chức được 40 buổi tuyên truyền với hơn 2.500 lượt người tham dự.

Năm 2013 và 2014, Hạt Kiểm lâm đã phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện tổ chức 02 cuộc thi tuyên truyền về Bảo vệ và Phát triển rừng nhằm nâng cao nhận thức về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy rừng của các thầy cô giáo và các em học sinh trên địa bàn huyện.

Nhờ đổi mới về phương thức, nội dung nên hiệu quả công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật liên quan đến QLBVR được nâng lên rõ rệt. Các chủ rừng và người dân đã nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình đối với công tác QLBVR và tầm quan trọng của rừng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường tại địa phương.

Việc phát triển nhân nuôi động vật có nguồn gốc hoang dã sẽ duy trì, bảo tồn được nguồn gen, hạn chế việc khai thác, săn bắn từ tự nhiên, tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho người lao động. Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm đã chỉ đạo các cán bộ kiểm lâm địa bàn tuyên truyền, hỗ trợ về kỹ thuật, thủ tục pháp lý để các hộ gia đình nhân rộng các mô hình chăn nuôi động vật rừng mang lại hiệu quả kinh tế cao. Hiện nay, huyện Phú Lương đã có 37 cơ sở gây nuôi động vật hoang dã, với gần 7.500 cá thể gồm: rắn hổ mang thường, rắn ráo trâu, rắn sọc dưa, nhím, cầy vòi mốc, cầy vòi hương, dúi, lợn rừng, hươu sao...

Một trong những nét nổi bật trong công tác QLBVR trên địa bàn huyện Phú Lương là quyết tâm từng bước đẩy lùi tình trạng buôn bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Đến nay, hạt Kiểm lâm đã kiện toàn, nâng cao năng lực kiểm tra, kiểm soát lâm sản cho Tổ Kiểm lâm cơ động; đồng thời, tổ chức phát động phong trào nhân dân tố giác các đầu nậu (qua đường dây nóng), không dung túng tiếp tay cho lâm tặc. Từ năm 2010 - 2014, lực lượng kiểm lâm của Hạt đã phối hợp với các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm luật bảo vệ rừng thu được kết quả tốt. Đã phát hiện và xử lý hơn 250 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực QLBVR và quản lý lâm sản; tịch thu hơn 300 m^3 gỗ các loại, 02 xe ô tô, 45 xe máy… nộp ngân sách hơn 1,3 tỷ đồng.

Ông Ngô Thanh Sơn cho biết, qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng; đến nay trên địa bàn huyện Phú Lương không còn điểm nóng, nổi cộm về tình trạng vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng■

DƯƠNG TRUNG KIÊN
Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên

Quảng Nam: NGHỊ LỰC VƯƠN LÊN LÀM GIÀU CỦA NGƯỜI THANH NIÊN NGHÈO

Xuất phát từ ước mơ làm giàu chính đáng trên mảnh đất quê nhà, anh Nguyễn Đắc Lực, sống tại thôn 1, xã Tiên Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam là một tấm gương sáng về nghị lực vươn lên làm giàu.

Khởi nghiệp vào tháng 8 năm 2011, anh xây dựng một cơ sở chăn nuôi nhỏ để nuôi gà. Từ 300 con gà giống Minh Dư (Bình Định), anh nuôi lớn và chọn lọc được 100 con làm giống cho sinh sản, 200 con còn lại bán gà thịt, thu lãi được 100 con gà giống. Sau lần đó, anh quyết định chuyển tới khu đất mới rộng hơn, xa nhà, xa dân, có nguồn nước chủ động để mở trang trại chăn nuôi theo quy mô lớn hơn. Với anh, quá trình xây dựng trang trại thật gian nan vất vả: Đất có, nước có nhưng đường, điện thì không có, anh thực hiện từng bước một. Anh cho biết: "Khi tôi mở đường vào trại rất cực, vì để liên thông từ trang trại ra ngoài phải qua một khu rừng tới vài cây số, mà rừng là đất của người khác, vì vậy tôi phải lặn lội đến từng nhà dân để thỏa thuận, xin đất mở đường, xin được đất rồi thì ủi đường vào trại tốn nhiều công sức và tiền của". Có đường, có điện anh bắt đầu làm mặt bằng và xây trang trại, vì ít vốn nên chỉ xây 1 chuồng nuôi lợn (heo) và 1 chuồng nuôi gà. Trang trại vừa xây xong thì gặp mưa lớn khiến một lượng đất lớn từ mặt bằng trang trại bị sạt lở xuống ruộng của dân. Một lần nữa anh phải lấy ruộng của gia đình để đổi ruộng bị bồi lấp cho dân vì không khắc phục được.

Với trang trại mới, anh nuôi 7 lợn nái, 100 gà mái đẻ từ cơ sở nuôi trước chuyển vào. Hạch toán kinh tế sau một năm chăn nuôi, anh lỗ 50 triệu đồng, đầu tư chuồng trại mất 100 triệu đồng, tổng chi phí là 150 triệu đồng. Nguyên nhân là do con giống chưa phù hợp. Đối với lợn, nuôi lợn nái Móng Cái đẻ ra lợn con nuôi lâu lớn, mỡ nhiều, trọng lượng nhỏ, bán giá thấp. Đối với gà, giống gà Minh Dư cho đẻ nở con lông xù, bán con giống không được, nuôi thịt thì giá quá thấp. Từ thất bại này, anh quyết định thay đổi đàn giống. Loại thải toàn bộ nái Móng Cái, lấy đàn F1 làm nái nền để nhân giống và chọn lọc 15 nái F2 để nuôi giống sinh sản. Đối với đàn gà, loại thải 100 gà giống Minh Dư, chọn mua 300 con gà trong địa phương về làm giống.

Qua năm thứ hai, việc chăn nuôi tiếp tục bị lỗ. Nguyên nhân chính là do dịch tai xanh bùng phát vào năm 2012 tại Quảng Nam, lợn nuôi đến thời điểm bán không xuất được, phải nuôi duy trì 2 tháng, với 150 con lợn thịt. Khi hết dịch, giá lợn lại hạ thấp 30.000 đồng/kg. Có thể nói đây là thời điểm cực kỳ khó khăn của gia đình anh: nguồn vốn thì hết, trang trại đang dang dở, chăn nuôi thì chưa thu được, lãi suất ngân hàng cao. Anh tự nhủ "phải cố tìm cách, không được bỏ cuộc". Không nản chí, anh tìm đến Hội Nông dân huyện để xin cơ chế hỗ trợ vốn vay, được Hội Nông dân hướng dẫn, anh vay được 100 triệu từ nguồn vốn hỗ trợ nông dân sản xuất kinh doanh. Từ đây, ngọn lửa đam mê trong anh có cơ hội bùng cháy, từ nguồn vốn đó anh tiếp tục đầu tư vào trang trại.

Anh Lực (người mặc áo cộc tay) đang dẫn đoàn đại biểu đến tham quan trang trại của gia đình

Đến cuối năm thứ ba (năm 2013), hạch toán kinh tế cho thấy kết quả là: Tổng chi phí đầu tư trong 3 năm là hơn 1 tỷ đồng. Tổng doanh thu gần 600 triệu đồng, lỗ 500 triệu đồng (chi phí đầu tư chuồng trại), chưa tính số lợn và gà chưa xuất bán: 100 lợn thịt, 15 lợn nái, 300 gà giống. Bước sang năm thứ tư, năm 2014, anh xuất 100 lợn thịt và tính các tài sản còn lại tính ra được 700 triệu đồng (trừ chi phí chuồng trại) thu lãi trên 300 triệu đồng.

Qua 3 năm hoạt động, trải qua muôn vàn khó khăn, đến nay trang trại của anh Lực đã có doanh thu, anh cũng đã đúc kết được khá nhiều kinh nghiệm. Vì vậy, khi hỏi về dự định tiếp theo, anh chia sẻ: "Trong năm 2015, tôi tranh thủ các chính sách hỗ trợ của tỉnh để thay đổi đàn heo nái, chuyển sang nuôi heo nái siêu nạc (được hỗ trợ kinh phí mua giống). Sau khi có đàn giống tốt, tôi sản xuất con giống để phục vụ bà con tại địa phương"■

MAI THỊ HUYỀN SANH
Trạm Khuyến nông Khuyến lâm huyện Tiên Phước, Quảng Nam

Đồng Nai:
Bí quyết hoạt động hiệu quả
CỦA CÂU LẠC BỘ IPM XÃ AN PHƯỚC

An Phước là xã có diện tích lúa hàng năm trên 400 ha, cây ăn trái 350 ha, ngoài ra còn các cây trồng khác như sắn, rau, đậu các loại… Các câu lạc bộ năng suất cao được thành lập nhằm giúp bà con nông dân có điều kiện trao đổi kinh nghiệm, học hỏi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất và hiệu quả kinh tế cho gia đình.

Tính đến nay, so với hơn 40 câu lạc bộ năng suất cao về cây trồng và vật nuôi được thành lập từ năm 2005 của huyện Long Thành thì Câu lạc bộ IPM xã An Phước được thành lập khá sớm. Lễ ra mắt của Câu lạc bộ IPM xã An Phước được tổ chức vào ngày 21/11/2002 theo quyết định thành lập của UBND xã với tổng số 28 thành viên tham gia. Đây là một tổ chức tự nguyện của các hội viên nông dân. Câu lạc bộ được điều hành bởi Ban chủ nhiệm do các thành viên trong Câu lạc bộ bầu ra.

Bí quyết cho sự dẻo dai của Câu lạc bộ IPM xã An Phước tưởng chừng đơn giản nhưng không phải câu lạc bộ nào cũng làm được. Để có kinh phí hoạt động, các thành viên tự nguyện đóng góp với mức 50.000 đồng/người/tháng. Số tiền tích lũy được sẽ cho các thành viên trong câu lạc bộ có nhu cầu sản xuất vay với lãi suất thấp hơn lãi suất ngân hàng. Trong hoạt động của mình, Ban chủ nhiệm luôn đề ra quy chế, phương hướng hoạt động, quyền lợi và nghĩa vụ cụ thể của các thành viên tham gia.

Một buổi sinh hoạt của Câu lạc bộ IPM tại xã An Phước

Câu lạc bộ sinh hoạt định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Địa điểm sinh hoạt không cố định mà xoay vòng nhà của các thành viên. Nội dung sinh hoạt rất phong phú, đa dạng, linh hoạt, luôn được Ban chủ nhiệm chuẩn bị chu đáo. Đó có thể là thông tin về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc thông tin nội bộ của chính quyền địa phương về các mặt an ninh, đời sống, sản xuất nông nghiệp, văn hoá. Trong đó, các thông tin về khoa học kỹ thuật nông nghiệp, hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật về các chuyên đề như: bảo vệ thực vật, qui trình kỹ thuật trồng và chăm sóc từng loại cây trồng, vật nuôi… được đặc biệt chú trọng. Các thành viên trong Câu lạc bộ còn trao đổi kinh nghiệm sản xuất, bàn cách làm giàu… Tài chính của Câu lạc bộ cũng được công khai rõ ràng tại buổi sinh hoạt hàng tháng. Hàng năm, Câu lạc bộ đều tổ chức tổng kết năm, đánh giá lại kết quả hoạt động, các mặt ưu, khuyết điểm và đề ra phương hướng hoạt động cho năm sau. Bên cạnh đó, Câu lạc bộ thường xuyên tổ chức cho các thành viên đi tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình làm ăn có hiệu quả trong và ngoài tỉnh.

Thời gian đầu mới thành lập, Ban chủ nhiệm câu lạc bộ có 03 người (1 chủ nhiệm, 1 phó chủ nhiệm, 1 kế toán kiêm thủ quỹ). Sau 12 năm đi vào hoạt động, do số lượng hội viên nông dân tham gia đã tăng lên đáng kể, số thành viên Câu lạc bộ hiện nay là 68 người, vì thế Ban chủ nhiệm cũng tăng lên 5 người (1 chủ nhiệm, 2 phó chủ nhiệm, 1 kế toán và 1 thủ quỹ).

Có thể nói các yếu tố quyết định hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ bắt nguồn từ sự quan tâm sâu sát của chính quyền địa phương, đoàn thể và các ngành có liên quan; sự nhiệt tình, năng động của Ban chủ nhiệm; sự tích cực và tôn trọng nội quy, quy chế hoạt động của các thành viên tham gia■

VÕ THỊ MAI
Trạm Khuyến nông huyện Long Thành, Đồng Nai

PHÚ YÊN: TỶ PHÚ NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG

Được sự giới thiệu của anh Bùi Ngọc Thành - cán bộ nông nghiệp xã Xuân Cảnh, thị xã Sông Cầu về một nhân vật trẻ tuổi, khá thành công trong nghề nuôi tôm thẻ chân trắng nhiều năm liền trên nền cát trải bạt.

Chủ nhân của mô hình này là anh Lê Văn Nhất, thôn Hòa Thạnh, xã Xuân Cảnh. Qua lần gặp đầu tiên, chúng tôi khá tò mò về tính cách và cách làm thú vị của chủ nhân trẻ tuổi này. Anh sinh năm 1978 tại mảnh đất Hòa Thạnh, cuộc đời không được may mắn, năm 19 tuổi bố mất, chưa có công ăn việc làm ổn định, anh theo người chú vào Đại Lãnh thuộc tỉnh Khánh Hòa để làm thuê, cái duyên đến với con tôm là chính thời gian làm thuê mướn này. Tiết kiệm được chút vốn, năm 2011 anh quyết định về làm giàu trên chính mảnh đất quê hương.

Từ đó, anh đến với nghề nuôi tôm thẻ chân trắng và dành trọn tình yêu của mình cho con tôm. Anh dành nhiều thời gian để tìm tài liệu trên internet, tham gia đầy đủ các lớp tập huấn kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn, từ đó anh đã đưa ra một quy trình nuôi riêng cho gia đình mình.

Ngay từ vụ nuôi đầu tiên vào năm 2012 với diện tích nuôi 2 ha anh đã thành công và thu lãi cao. Những năm gần đây anh đã mở rộng thêm diện tích gần 4 ha, năm nào cũng thu lãi từ 2 đến 3 tỷ đồng. Nhìn mô hình nuôi tôm của anh mới hiểu hết tâm huyết mà anh đã dành cho con tôm, rất bài bản đúng quy trình kỹ thuật từ ương đến nuôi thương phẩm, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật từ khâu chọn giống, thức ăn, cách thiết kế ao, quy trình chăm sóc, vệ sinh môi trường nuôi… Bên cạnh đó, anh còn sáng kiến ra các thiết bị điện điều khiển hệ thống tạo ôxy cho ao nuôi rất tiện lợi, thông dụng dễ điều khiển, có hệ thống máy phát điện dự bị khi nguồn điện chính bị ngắt…

Xuất phát từ niềm đam mê đối với con tôm thẻ chân trắng, khi được chúng tôi hỏi nhiều câu hỏi hóc búa về kỹ thuật nuôi hoặc quy trình gì mới hầu như anh đều giải thích được và rất thuyết phục.

Nhờ nuôi tôm thành công, nên anh Nhất đã nổi tiếng và kết bạn khắp cả nước từ Quảng Bình cho đến các tỉnh miền Nam, hầu hết là những người nuôi mới vào nghề nhờ anh tư vấn qua điện thoại, khi rảnh rỗi anh còn đến tận nơi để chia sẻ kinh nghiệm, tư vấn miễn phí cho mọi người.

Tuy còn trẻ tuổi nhưng anh Nhất đã có một bề dày kinh nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng. Có thể nói anh là gương điển hình của tuổi trẻ làm kinh tế tiêu biểu tỉnh Phú Yên, năm 2014 anh được thị xã Sông Cầu bầu chọn tham dự hội nghị tổng kết phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi lần thứ XV của tỉnh Phú Yên■

LÊ HỮU PHÚC
Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Phú Yên

HÒA BÌNH: LÀM GIÀU TỪ MÔ HÌNH *nuôi dê*

Thời gian gần đây, nhiều hộ dân tại xã Bình Thanh, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình đã đầu tư vào mô hình nuôi dê và mang lại nguồn thu nhập đáng kể. Để tìm hiểu về điều này, chúng tôi được khuyến nông viên xã đưa đến thăm mô hình nuôi dê của gia đình anh Nguyễn Xuân Bách ở xóm Lòn, xã Bình Thanh. Mô hình đã mang lại cho anh thu nhập 40 - 50 triệu đồng/năm.

Từ UBND xã chạy xe lòng vòng uốn lượn qua nhiều cung đường gấp khúc, chúng tôi mới gặp được anh Bách. Ngồi nhâm nhi chén nước anh chia sẻ: "Khi mới lập gia đình, cuộc sống của vợ chồng tôi gặp rất nhiều khó khăn, lăn lộn làm thuê, cuốc mướn hết chỗ xa rồi về gần để lo miếng cơm, manh áo". Sau nhiều đêm suy nghĩ, anh quyết định về quê lập nghiệp. Thấy anh em, bạn bè trong thôn xóm đưa con dê về nuôi mang lại hiệu quả cao, anh đã bàn tính với gia đình đầu tư vào nuôi dê núi. Năm 2006, anh Bách mua 8 con dê ở Sơn La về nuôi. Sau vài năm, đàn dê của gia đình anh bắt đầu sinh sản, mỗi năm tăng lên theo cấp số nhân. Đến nay, đàn dê của anh duy trì ở mức 50 con, nhiều khi tăng lên tới 65 - 70 con.

Từ nhà anh ra khu nuôi nhốt dê cách chừng nửa cây số. Chuồng nuôi được rào chắn rất cẩn thận, cạnh chuồng có khu sân chơi cho dê, trong đó có đặt những phiến đá nhỏ, trồng những cây bương, cây luồng rất thoáng mát cho dê nghỉ ngơi sau một ngày leo trèo. Dê là động vật ăn tạp, thức ăn chúng ưa thích là lá cây rừng, lá sung, lá mít… Anh Bách chăn thả dê trên các khu đồi, núi gần nhà nên không tốn kém chi phí thức ăn. Ngoài ra cũng có thể cho dê ăn thêm cám gạo, cám ngô. Tuy nhiên, anh Bách cũng cho biết: "Từ khi nuôi dê đến giờ, tôi đã vài lần mất ăn, mất ngủ vì chúng bị bệnh. Tuy nhiên vừa nuôi, vừa tích lũy kinh nghiệm nên đến thời điểm hiện tại, nếu đàn dê của gia đình mắc các bệnh thông thường như chướng hơi hay đi ngoài, tôi có thể xử lý dễ dàng. Ngoài ra, để hạn chế dê bị bệnh, không nên thả dê vào lúc sáng sớm khi ngọn cỏ, lá cây còn ướt sương".

Đàn dê của gia đình anh Bách chủ yếu là dê núi với hình dáng nhỏ nhưng được các thương lái rất ưa chuộng. Năm 2014, anh xuất bán được 3 tạ dê với giá bán thương phẩm 130.000 - 140.000 đồng/kg, cho thu nhập 40 - 50 triệu đồng. Không chỉ nuôi dê, anh Bách còn nuôi thêm gà để tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Ông Lê Thanh Quyết - Phó Chủ tịch UBND xã Bình Thanh cho biết: Hiện nay tổng đàn dê của xã có khoảng gần 400 con, tập trung nhiều nhất ở xóm Lòn. Nhờ tận dụng được địa hình đồi, núi để chăn thả dê mà nhiều hộ dân đã cải thiện được cuộc sống, vươn lên làm giàu. Thực tế, mô hình này cần được nhân rộng hơn nữa vì đem lại hiệu quả kinh tế mà vốn đầu tư ít và thị trường tiêu thụ khá dễ dàng■

ĐÌNH THỦY
Trung tâm Khuyến nông Hòa Bình

Đàn dê của gia đình anh Nguyễn Xuân Bách

Bệnh đốm trắng ở tôm nuôi và công nghệ nuôi tôm

NHẰM PHÒNG, CHỐNG BỆNH ĐỐM TRẮNG

Bệnh đốm trắng do vi-rút (White Spot Syndrome Virus - WSSV) là một trong các bệnh gây nên hiện tượng tôm nuôi chết hàng loạt trong các vùng nuôi tôm tại các địa phương ven biển ở nước ta từ nhiều năm qua.

Riêng năm 2014, theo số liệu của Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và PTNT, bệnh đốm trắng đã xảy ra tại 250 xã, 68 huyện thuộc 22 tỉnh, thành phố trong cả nước, trải dọc theo chiều dài đất nước từ Quảng Ninh đến Cà Mau. So với năm trước, tuy số các địa phương để xảy ra bệnh đốm trắng giảm nhưng diện tích nuôi tôm bị bệnh lại tăng gần gấp đôi, lên tới hơn 22.600 ha, chiếm 3,33% tổng diện tích nuôi tôm của cả nước - trong đó có hơn 13.300 ha nuôi thâm canh và bán thâm canh, cùng với hơn 9.200 ha nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến.

Qua theo dõi, nhận thấy bệnh đốm trắng xảy ra trong năm qua ở cả 2 loài tôm nuôi chính là tôm chân trắng và tôm sú, với độ tuổi từ 10 đến 110 ngày sau khi thả giống. Diện tích nuôi tôm sú bị bệnh này nhiều hơn, chiếm khoảng 60% số diện tích nuôi tôm bị bệnh đốm trắng.

Trong năm 2014, đã có 3 tỉnh công bố dịch là Sóc Trăng, Nghệ An và Quảng Ninh. Sóc Trăng cũng là địa phương bị thiệt hại nhiều nhất với 11.000 ha nuôi tôm bị bệnh, chiếm gần nửa số diện tích nuôi bị bệnh đốm trắng trong cả nước.

Các nhà nghiên cứu bệnh học thủy sản cho biết, bệnh đốm trắng thường xuất hiện ở tôm nuôi vào mùa xuân và đầu mùa hè khi khí hậu, thời tiết thay đổi nhiều như sự biến thiên quá lớn của biên độ nhiệt giữa ngày và đêm dẫn đến tôm bị sốc và dễ nhiễm bệnh.

Bệnh đốm trắng được chia làm 2 dạng: dạng 1 là bệnh cấp tính thường làm cho tôm nuôi - nhất là các loài tôm thuộc giống tôm he *(Penaeus)* - bị chết hàng loạt với tỷ lệ cao trong vòng vài tuần; dạng 2 là bệnh tiềm ẩn, tồn tại độc lập trong các loài thuộc giống tôm càng xanh *(Macrobrachium)*, các loài cua và tôm hùm sống trong tự nhiên và thường không có dấu hiệu bệnh lý.

Vi-rút gây bệnh đốm trắng phân bố rộng ở những vật chủ khác nhau, không chỉ ở một số loài thuộc giống tôm he mà còn ở nhiều loài khác trong bộ Mười chân (Decapoda) như cua, ghẹ, tôm hùm... Điều này rất nguy hiểm do có nguy cơ làm tăng khả năng lây lan rộng rãi bệnh trong môi trường. Bệnh lan truyền chủ yếu theo chiều ngang qua nước, thức ăn và rất dễ bùng phát khi môi trường biến đổi theo chiều hướng xấu làm cho tôm nuôi bị sốc.

Trong 3 năm gần đây, nhóm cán bộ khoa học của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản II, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã triển khai thực hiện đề tài "Bước đầu nghiên cứu, sản xuất tolerine có khả năng hạn chế lây lan của vi-rút gây bệnh đốm trắng trên tôm sú nuôi thương phẩm ở đồng bằng sông Cửu Long". Kết quả đã tạo ra được dòng nấm men mang gen VP28 của virus gây bệnh đốm trắng có khả năng sản sinh protein VP28 dùng làm tolerine phòng bệnh đốm trắng cho tôm sú. Tolerine được xác

Bệnh đốm trắng thường xuất hiện ở tôm nuôi vào đầu mùa hè

định có tính an toàn 100% và bước đầu cho thấy có khả năng bảo vệ tôm sú nuôi trước bệnh đốm trắng, tuy không được toàn phần.

Hiện nay, đề tài đang tiến hành xác định thời gian và số lần cho ăn tolerine thích hợp để tolerine có hiệu quả bảo vệ cao nhất đối với tôm, đồng thời cũng xác định hiệu quả của tolerine trong việc hạn chế sự lây lan của vi-rút gây bệnh đốm trắng ở tôm nuôi.

Trước tình hình diện tích nuôi tôm sú bị bệnh đốm trắng tăng nhiều, trong vụ nuôi tôm năm nay, người nuôi tôm cần áp dụng các công nghệ nuôi thân thiện với môi trường để phòng, chống bệnh hiệu quả, đạt năng suất, sản lượng cao và đảm bảo chất lượng sản phẩm tôm nuôi. Trong quá trình nuôi tôm, cần đặc biệt chú ý đến việc duy trì ổn định môi trường nuôi bằng các biện pháp cơ học như quạt nước, sục khí đáy và xi phông đáy ao; các biện pháp hóa dược như bón vôi để duy trì pH, tăng độ kiềm; các biện pháp sinh học như dùng chế phẩm sinh học để cải tạo môi trường ao nuôi... Bên cạnh đó, rất chú trọng khâu nâng cao sức đề kháng cho tôm nuôi thông qua việc sử dụng các biện pháp quản lý chăm sóc tốt, dùng thức ăn chất lượng cao để nuôi tôm, cho tôm ăn bổ sung các loại enzym, vitamin, chất khoáng vi lượng nhằm giúp tôm tăng cường khả năng tiêu hóa và sức đề kháng với bệnh.

Việc áp dụng các quy trình nuôi tôm tiên tiến - trong đó có quy trình nuôi tôm dùng chế phẩm sinh học và quy trình nuôi tôm theo công nghệ biofloc có tác dụng rất lớn nhằm phòng, chống bệnh đốm trắng cho tôm nuôi.

Quy trình nuôi tôm dùng chế phẩm sinh học do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành, theo đó, trong quá trình nuôi có dùng các loại chế phẩm vi sinh (có tên trong Danh mục được Bộ cho phép sử dụng) để làm sạch môi trường nước ao nuôi, đồng thời bổ sung các loại men tiêu hóa vào thức ăn và cho tôm ăn hàng ngày với lượng phù hợp. Định kỳ hàng tháng trong suốt vụ nuôi, cho tôm ăn thêm các loại vitamin A, C, D, E và bổ sung các chất khoáng vi lượng vào ao nuôi.

Quy trình nuôi tôm theo công nghệ biofloc là quy trình ứng dụng công nghệ biofloc để nuôi tôm thâm canh. Công nghệ biofloc dựa trên nguyên lý bổ sung một tỷ lệ phù hợp nguồn carbon làm thức ăn cho vi sinh vật dị dưỡng với nguồn nitơ có sẵn trong nước ao nuôi, tạo điều kiện cho vi sinh vật phát triển ưu thế trong ao nuôi. Công nghệ biofloc giải quyết được 2 vấn đề trong quá trình nuôi, đó là loại bỏ các chất dinh dưỡng chuyển hóa vào sinh khối vi sinh vật dị dưỡng xử lý nước ao nuôi và sử dụng tập hợp các biofloc làm nguồn thức ăn tự nhiên giàu dinh dưỡng bổ sung tại chỗ cho tôm nuôi. Khi nuôi tôm theo công nghệ biofloc, người nuôi không cần thiết phải xây dựng hệ thống lọc sinh học phụ trợ vì các quá trình vi sinh giúp khử độc tính của các hợp chất chứa nitơ đều diễn ra ngay trong môi trường nước của hệ thống nuôi, đồng thời cũng không cần dùng các biện pháp khác để khử trùng nước, ví dụ khử trùng bằng khí ôzôn, vì chúng sẽ cản trở hoạt động của vi sinh vật trong nước. Do đó, công nghệ biofloc giúp làm giảm chi phí thức ăn, nâng cao an toàn sinh học, hạn chế tối đa sự nhiễm bệnh, nhất là các bệnh do vi-rút gây ra cho tôm nuôi như bệnh đốm trắng■

HOÀNG HÀ

Măng tre là loại thực phẩm chứa nhiều Protein, glucid và cung cấp cho cơ thể nhiều thành phần chống ô xy hóa giúp ngăn ngừa ung thư, giảm cân và tránh sự hình thành của các vi khuẩn, cải thiện sự tiêu hóa, giảm cholesterol. Với xu hướng hiện nay là quay trở lại việc ăn uống thanh đạm và sạch thì măng tre có thể trở thành thực phẩm thiết yếu. Mỗi một loại măng tre có một cách khai thác khác nhau. Sau đây xin giới thiệu một số kỹ thuật khai thác và nuôi dưỡng măng Điềm trúc để bạn đọc tham khảo:

1. Kỹ thuật khai thác măng tre

Sau khi trồng năm thứ nhất và năm thứ hai là thời kỳ chăm sóc, năm thứ ba trở đi mới thu hoạch. Thu hoạch trong khoảng 15 - 20 năm, măng Điềm trúc có thời gian thu hoạch dài, nhiều tháng trong năm (từ tháng 3 đến tháng 11 - 12). Vào tháng 3 khi nhiệt độ từ 15^0C trở lên là măng mọc lên.

Vỏ măng khi chưa ra khỏi mặt đất thì có màu vàng nâu, thịt măng ngon và chất lượng tốt. Khi măng đã mọc lên khỏi mặt đất thì vỏ măng sẽ biến thành màu xanh lục, thịt măng sẽ bị hoá gỗ, chất lượng giảm. Vì vậy, phải lấp đất che phủ măng không để ánh sáng mặt trời chiếu vào. Để nâng cao chất lượng măng, trong thời gian thu hái măng phải dùng đất và mùn hữu cơ phủ gốc cho khóm măng thành một lớp đất dày 16 - 30 cm hoặc hơn nữa.

- *Khi nào thì thu hái măng:* Khi măng bắt đầu nhú lên khỏi mặt lớp đất phủ từ 10 - 20 cm thì thu hoạch. Thời kỳ đầu (tháng 3 - 4) và thời kỳ cuối (tháng 11 - 12) nhiệt độ thấp măng mọc chậm thì 5 - 7 ngày thu một lần. Các tháng hè thu (tháng 5 - 10) nhiệt độ cao, mưa nhiều măng mọc rộ thì 3 - 5 ngày thu một lần.

- *Thời điểm thu hái măng:* Tốt nhất là thu măng vào buổi sáng.

- *Vị trí cắt măng:* Là phần tiếp giáp giữa thân ngầm và thân măng.

Kỹ thuật khai thác và nuôi dưỡng MĂNG TRE

- *Kỹ thuật cắt măng:* Khi ta khai thác một cái măng thì sẽ tác động đến các mắt ngủ ở sát vết cắt, tại vị trí đó tiếp tục nhú các măng. Cho nên khi khai thác măng cần phải đào sâu xuống đất, dùng dao cắt tại vị trí phình ra của eo măng theo chiều thẳng đứng từ trên xuống cách gốc cây mẹ khoảng 10 cm. Chú ý không làm hư hại gốc cây mẹ, bởi vì ở đó có những mắt sinh ra măng mới. Lấy măng xong lại phủ đất lên gốc khóm măng như cũ.

2. Kỹ thuật nuôi dưỡng tăng năng suất măng

a) Kỹ thuật để lại số cây mẹ

- *Kỹ thuật 1:* Chu kỳ 3 năm để cây mẹ 1 lần. Bắt đầu từ năm thứ 2 để 4 cây mẹ, năm thứ 6 để 4 cây mẹ để thay 4 cây mẹ năm thứ 2. Năm thứ 10 để 4 cây mẹ thay 4 cây mẹ năm thứ 6... Cứ như thế trong quá trình khai thác măng. Đối với tre trúc mọc cụm, cây mẹ ở giữa bụi cho sản lượng măng thấp nên những măng ở trong bụi khai thác hết, chỉ chọn những măng ở bên ngoài để nuôi dưỡng thành cây mẹ.

Chu kỳ 4 năm 1 lần đánh bỏ gốc già để phục tráng làm trẻ hóa rừng tre và tạo điều kiện đất tơi xốp. Thời gian đánh gốc tiến hành vào vụ đông (hết vụ măng).

b) Chăm sóc, bón phân và phòng trừ sâu bệnh

- *Chăm sóc*: Cần phải trừ cỏ và xới đất xung quanh gốc cây cho xốp, thông thường hàng năm làm cỏ xới đất 2 lần vào tháng 5 - 6 và tháng 8 - 9.

- *Bón phân*: Các loại phân đều dùng được. Phân chuồng, bột xương, đất bùn ao tốt nhất là bón vào mùa thu đông, từ 22,5 - 37,5 tấn/ha hoặc bùn ao từ 37,5 - 60,0 tấn/ha. Các loại phân có hiệu quả nhanh như phân tổng hợp, đạm, lân,... Nên bón vào mùa xuân hè, sau khi làm cỏ xới đất mỗi khóm bón 0,2 - 0,3 kg.

- *Phòng trừ sâu bệnh*: Sâu bệnh chủ yếu là bệnh thối măng và sâu voi. Phòng bệnh thối măng: Dùng thuốc Promidi pha loãng 5.000 lần để phun phòng, cứ 7 ngày phun 1 lần là tốt nhất. Phòng trừ sâu voi: Buổi sáng 9 - 12 giờ, buổi chiều 3 giờ đến tối là lúc nó hoạt động và đẻ trứng thì bắt và diệt. Khi ấu trùng chuyển hoá thành sâu thì dùng thuốc Dipterex 90% pha loãng 500 lần để phun trừ■

NGUYỄN ĐỨC HẢI
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Chọn măng để lại nuôi dưỡng

PHÒNG CHỐNG SÂU ĐỤC THÂN MÍA 4 VẠCH ĐẦU NÂU

(Quy trình kỹ thuật tạm thời)

Sâu đục thân 4 vạch đầu nâu *(Chilo tumidicostalis* Hampson*)* gây hại khá phổ biến ở các nước trồng mía xung quanh nước ta như Thái Lan, Myanmar, Ấn Độ, Bangladesh,... Ở Việt Nam, loài sâu đục thân 4 vạch đầu nâu mới lần đầu phát hiện đã gây hại nghiêm trọng trên khoảng 6.300 ha mía ở Tây Ninh từ tháng 9/2014, trong đó có trên 500 ha nhiễm nặng với tỷ lệ từ 30 - 70%. Loài sâu này đã gây hại nghiêm trọng đến năng suất, chất lượng cây mía. Sâu đục thân 4 vạch đầu nâu thường phát sinh gây hại nặng mía trồng ở những vùng đất thịt nặng và có mưa nhiều, ẩm độ cao. Sâu gây hại trên nhiều giống khác nhau như LK92-11, K95-156, K2000-89, K84-2000, K88-92, K94-2, K99-72, Khonkaen 3,...

1. Một số đặc điểm hình thái, sinh học

Sâu đục thân mía 4 vạch đầu nâu có vòng đời trung bình từ 44 - 54 ngày, trong đó: pha trứng khoảng 9 ngày, pha sâu non có 5 - 7 tuổi với thời gian 25 - 30 ngày, pha nhộng 7 - 10 ngày, pha trưởng thành 3 - 5 ngày.

Trưởng thành đẻ trứng thành từng ổ trứng màu trắng vào ban đêm, trên cả 2 mặt của lá mía. Mỗi ổ trứng có 27 - 370 quả trứng, chia thành 4 - 5 hàng. Trong điều kiện tự nhiên, tỷ lệ trứng nở trung bình đạt tới 97%.

Sâu non có đầu màu nâu vàng đến nâu sẫm, các chấm trên cơ thể to, có màu xám mờ. Mảnh lưng ngực trước có màu nâu đậm, sâu non tuổi cuối dài từ 20 - 23 mm. Sâu non đục nhiều lỗ trên các lóng mía nhưng có rất ít phân đùn ra ngoài.

Sâu non đẫy sức thường hóa nhộng ngay trong lỗ đục ở trong thân cây mía. Nhộng màu nâu đỏ, dài từ 11 - 15 mm, rộng từ 3 - 5 mm.

Ngài trưởng thành có màu nâu đến nâu nhạt, ngài cái lớn hơn ngài đực, sải cánh 26 - 28 mm, thân dài 14 - 18 mm, chủ yếu hoạt động vào ban đêm, có xu tính yếu với ánh sáng đèn.

Khác với sâu đục thân 4 vạch đầu nâu, sâu đục thân mía 4 vạch đầu vàng *(Chilo sacchariphaugus* Bojer*)* đã tồn tại và gây hại ở Việt Nam từ lâu. Sâu non có đầu màu vàng nhạt, các chấm trên cơ thể nhỏ màu tím đen lộ rõ; mảnh lưng ngực trước có màu trắng, viền nâu đen. Sâu non thường đục ăn nhu mô lá non, để lại triệu chứng lá lốm đốm trắng rất điển hình; chỉ có 1 - 2 con/cây và có nhiều phân đùn ra ngoài lỗ đục.

Sâu non gây hại ngay từ khi mía có lóng

2. Tập tính gây hại

Sâu non mới nở bò xuống bẹ lá và đục vào các lóng mía trên ngọn để gây hại. Sâu non có tính gây hại tập thể, nhiều sâu non cùng gây hại trong cùng 1 lóng mía, có thể tới hàng trăm con/cây. Trong thời gian 2 - 3 tuần kể từ khi nở, sâu non có thể đục xuyên quá 3 - 5 lóng mía, đục từ dưới lên và ăn hết phần thịt lóng, chừa lại phần vỏ làm cho cây bị chết khô rất nhanh, cây mía bị gãy đổ và chết rụi.

Tại Tây Ninh, trên mía hè thu bị hại nặng hơn. Sâu non gây hại ngay từ khi cây mía có lóng, giai đoạn 3 - 5 tháng tuổi.

3. Biện pháp phòng chống

Để hạn chế tác hại của sâu đục thân 4 vạch đầu nâu và các loài sâu đục thân khác, cần áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) như sau:

a) Biện pháp canh tác

- Trồng mía tập trung, đúng thời vụ nhằm hạn chế sâu chuyển từ vụ trước sang vụ sau.

- Không sử dụng hom giống nhiễm sâu đục thân; không lấy hom giống mía ở những vùng đã bị nhiễm sâu đục thân 4 vạch đầu nâu.

- Không sử dụng các giống mía đã nhiễm nặng sâu đục thân 4 vạch đầu nâu hoặc các loại sâu đục thân khác ở vùng đã bị nhiễm nặng.

- Thường xuyên bóc tỉa các lá phía dưới nhằm diệt ổ trứng sâu đục thân, mặt khác tạo sự

thông thoáng, dễ dàng xử lý các biện pháp khác khi có dịch xảy ra (thu gom các lá bóc tỉa, để riêng ở khu vực cách ly ruộng mía, chú ý không tiêu hủy ngay để bảo vệ ong ký sinh trứng vũ hóa).

- Bón phân cân đối để cây mía sinh trưởng phát triển khỏe mạnh, tăng khả năng chống chịu sâu đục thân.

- Luân canh mía với cây trồng cạn khác họ (chân đất cao) hoặc với lúa nước (chân đất thấp, chủ động nước tưới) để hạn chế nguồn sâu trong vụ tiếp theo.

b) Biện pháp cơ giới

- Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng ngay từ khi mía bắt đầu có lóng ngắt tiêu hủy ổ trứng bằng tay; cắt thân mía đã bị sâu đục đem tiêu hủy để giảm nguồn sâu lứa sau.

- Sử dụng bẫy đèn ánh sáng vàng hoặc cực tím để dự tính dự báo; nơi có điện đặt tối thiểu 3 bẫy/ha để diệt trưởng thành sâu đục thân các loại.

c) Biện pháp sinh học

- Bảo vệ, nhân nuôi và phóng thích ong ký sinh (ong mắt đỏ *Tricogramma* sp. kí sinh trứng, ong đen kén trắng *Cotesia flavipes* kí sinh sâu non), bọ đuôi kìm,... ra đồng ruộng để kiểm soát sâu đục thân.

- Sử dụng bẫy Pheromone vừa để dự tính dự báo vừa để diệt trưởng thành sâu đục thân các loại.

d) Biện pháp hóa học

- Chỉ khi phát hiện trứng sâu đục thân có mật độ cao mới sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật đăng ký sử dụng trừ sâu đục thân mía để phun trừ tại các ổ dịch.

- Hạn chế phun thuốc hóa học để bảo vệ và lợi dụng các loài côn trùng bắt mồi ăn thịt trong tự nhiên kiểm soát sâu đục thân mía. Phun thuốc hóa học phải tuân thủ nguyên tắc 4 đúng theo khuyến cáo trên bao bì■

CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Quy trình phòng trừ tổng hợp BỆNH THỐI ĐEN QUẢ CA CAO

Bệnh thối đen quả ca cao do nấm *Phytophthora palmivora* gây ra. Triệu chứng bệnh: Trên quả ban đầu xuất hiện những chấm nhỏ màu nâu, sau đó vết bệnh phát triển rất nhanh và chuyển sang màu đen, các vết bệnh có thể liên kết bao kín bề mặt quả. Bệnh hại giai đoạn quả non làm quả bị khô đen và vẫn dính trên cây; bệnh hại khi quả to gây thối quả, hạt lép, quả có thể bị rụng.

Bệnh chủ yếu gây hại trên quả ca cao, do đó quy trình tập trung phòng trừ tổng hợp bệnh trên quả. Tuy nhiên, để quản lý bệnh hiệu quả và bền vững cần bắt đầu từ giai đoạn vườn ươm.

1. Phòng trừ tổng hợp bệnh giai đoạn vườn ươm

1.1. Chuẩn bị vườn ươm

Vườn ươm phải xa vườn cây cao cao lâu năm để hạn chế sự lây truyền của bệnh. Các vật liệu như lá dừa khô, các loại cây che bong hay lưới nilon đen có thể dùng che bóng vườn ươm.

1.2. Chuẩn bị bầu ươm

- Hỗn hợp của bầu ươm gồm: 3 phần trấu hoặc xơ dừa + 2 phần đất + 1 phần phân chuồng hoai trộn đều với 10 kg vôi + 5 kg lân supe + 1 kg phân NPK 16-16-8 (1 - 2 g/bầu đất) cho mỗi m^3 hỗn hợp. Sử dụng chế phẩm sinh học có thành phần chứa nấm đối kháng *Trichoderma asperellum*, vi khuẩn đối kháng *Bacillus amyloliquefaciens* subsp. *amyloliquefaciens* và vi khuẩn đối kháng *Bacillus methylotrophicus* để hạn chế nguồn nấm *Phytophthora palmivora* trong hỗn hợp bầu ươm.

- Bầu ươm có kích thước 15 x 20 cm hoặc 20 x 30 cm để sử dụng cho cây giống có thời gian lưu trong vườn ươm 4 - 5 tháng.

Bệnh hại khi quả to và gây thối quả

Bệnh hại giai đoạn quả non làm quả bị khô đen và vẫn dính trên cây

1.3. Xử lý và gieo hạt

Hạt lấy từ quả vừa chín và được loại bỏ lớp cơm nhầy bằng cách chà và đem rửa sạch. Ngâm hạt khoảng 10 phút trong dung dịch thuốc có hoạt chất Metalaxyl 0,3%, sau đó ủ hạt nơi khô và thoáng mát. Sau 1 - 2 ngày hạt bắt đầu nảy mầm thì gieo ngay. Gieo thẳng đứng hạt vào bầu đất theo chiều đầu mầm rễ quay xuống. Hạt được cắm sâu vừa ngang bằng mặt bầu.

1.4. Chăm sóc cây con ở vườn ươm

a) Bón phân

Phun phân qua lá 2 tuần/lần và bón gốc mỗi tháng một lần bằng các loại phân hỗn hợp NPK (16-16-8 + TE) với liều lượng 1 - 3 g/bầu tương ứng với cây còn nhỏ hay đã lớn.

b) Phòng trừ bệnh

Bệnh chủ yếu trong vườn ươm là thối lá, héo thân do *Phytophthora palmivora*. Dùng các loại thuốc có hoạt chất Metalaxyl hoặc hoạt chất Fosetyl - Aluminum để phòng trừ.

1.5. Giống và tiêu chuẩn cây giống đem trồng

- Chọn giống có tên trong danh mục giống cây trồng do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Cây giống ca cao phải có nguồn gốc xuất xứ, đúng giống, cây khỏe, bộ lá thành thục, xanh tốt và khuyến khích những giống có khả năng chống chịu bệnh thối đen quả như giống TD3, TD8…

- Cây khi xuất vườn có chiều cao 35 - 40 cm, đường kính gốc trên 5 mm, chồi ghép phải đạt chiều dài từ 15 - 20 cm trở lên, sinh trưởng phát triển tốt.

2. Phòng trừ tổng hợp bệnh thối đen quả giai đoạn vừng kiến thiết cơ bản và giai đoạn vườn kinh doanh

2.1. Chuẩn bị đất trồng

a) Thiết kế vườn

- Thiết kế hệ thống rãnh thoát nước trong vườn hướng theo dòng chảy của nước (đối với vườn bằng phẳng) vào mùa mưa.

- Thiết kế đường đồng mức, trồng theo dạng nanh sấu (đối với vườn đất dốc).

b) Trồng cây che bóng

- Ở vùng Tây Nguyên trồng cây keo, cây muồng đen đối với vườn trồng thuần.

- Ở vùng Đông Nam Bộ trồng xen ca cao dưới bóng cây điều, cây lâu năm có sẵn.

- Không được sử dụng các cây che bóng là ký chủ của nấm *Phytophthora* như: cây bơ, sầu riêng, cao su…

c) Mật độ và khoảng cách trồng

- Ca cao trồng thuần: Khoảng cách 3 x 4 m hoặc 3,5 x 4 m. Mật độ từ 700 - 850 cây/ha.

- Ca cao trồng xen trong vườn cây lâu năm khác: Khoảng cách so với gốc cây trồng chính 2 - 3 m, khoảng cách giữa các cây ca cao 3 x 4 m. Mật độ từ 500 - 600 cây/ha.

2.2. Tỉa cành tạo tán

- Khi cây còn nhỏ, giữ một thân chính khỏe, mọc thẳng, sau đó cắt ngọn và giữ cố định 3 - 4 cành, cành mọc đều về các hướng. Cành cấp 1 có độ cao từ 0,7 - 0,8 m từ mặt đất, cành cấp 2 có độ cao trong từ 1,0 - 1,2 m cách mặt đất. Mỗi cành cấp 1 giữ 2 - 3 cành cấp 2. Tỉa bỏ những chồi vượt, cành vô hiệu.

- Khi cây đã giao tán, tỉa thoáng chồi vượt vùng thân chính và xung quanh điểm phân cành để kích thích phát triển quả và tạo sự thông thoáng trong vườn đảm bảo đủ lượng ánh sáng chiếu vào vườn.

2.3. Biện pháp vệ sinh vườn

- Đào hố để tiêu hủy tàn dư ở phần giao tán giữa 4 cây trước mùa mưa (tháng 4), thu gom toàn bộ lá rụng trên vườn vào hố, lèn chặt lá, xử lý chế phẩm sinh học PCC (kết hợp biện pháp sinh học) và sau đó lấp đất phủ kín hố.

- Cắt bỏ những quả mới bị bệnh mang ra khỏi vườn, đào hố để tiêu hủy, hạn chế bào tử nấm phát tán do gió, mưa và côn trùng.

2.4. Tưới và tiêu thoát nước

- Tưới nước cho cây con vào mùa khô, định kỳ 10 - 15 ngày/lần. Cây thời kỳ kinh doanh nhu cầu nước ít, nhưng có điều kiện tưới sẽ cho năng suất quả ở mùa khô cao.

- Đào rãnh thoát nước trên vườn vào mùa mưa và phá bồn xung quanh gốc để hạn chế tối đa sự ứ đọng nước sau mưa.

2.5. Sử dụng phân bón

- Sử dụng các loại phân bón đáp ứng các tiêu chuẩn về dinh dưỡng, vệ sinh và an toàn theo quy định của Nhà nước. Tăng cường sử dụng nguồn phân hữu cơ ủ hoai mục (phân bò, gà,…).

a) Bón phân cho ca cao kiến thiết cơ bản

- Bón lót mỗi hố tròng từ 10 - 15 kg phân hữu cơ và 0,3 - 0,4 kg lân supe trước khi trồng 15 ngày.

- Bón thúc có thể sử dụng phân có hàm lượng đạm và lân cao như NPK (20:20:15 + TE) hoặc NPK (16:16:8 + TE).

- Lượng bón tùy theo tuổi cây, như sau:

+ Năm thứ nhất 0,2 - 0,3 kg/cây;

+ Năm thứ hai 0,5 - 0,6 kg/cây;

+ Năm thứ ba 0,6 - 0,8 kg/cây.

- Lượng phân này chia làm 4 đợt bón vào đầu, giữa, cuối mùa mưa và 1 lần trong mùa khô.

b) Bón phân cho cây ca cao kinh doanh

- Sử dụng các loại phân có hàm lượng kali cao như: Phân NPK 10-10-15, NPK 13-13-17, NPK 16-16-26, NPK 13-11-21. Lượng bón từ 1,5 - 2,0 kg/cây/năm.

- Hoặc sử dụng phân NPK 16-8-16 lượng bón 1,5 kg/cây/năm + 0,15 kg KCl/cây/năm, tương ứng với lượng urê:lân supe:kali clorua = 522:750:550 kg/ha/năm.

- Lượng phân trên chia ra bón làm 3 lần vào đầu, giữa và cuối mùa mưa.

c) Cách bón phân

- Đối với cây ca cao kiến thiết cơ bản: Tiến hành đào 3 - 4 hố (sâu 20 - 25 cm) xung quanh gốc theo hình chiếu của tán cây, bón phân vào hố và lấp đất lại.

- Đối với cây ca cao kinh doanh: Tiến hành đào xới đất xung quanh gốc theo hình chiếu của tán cây (sâu 10 cm, rộng 20 cm) bón phân vào rãnh vừa mới xới và lấp đất lại, hoặc bón giữa 2 hàng ca cao.

2.6. Biện pháp sinh học

- Sử dụng chế phẩm sinh học gồm nấm đối kháng *Trichoderma asperellum*, vi khuẩn đối kháng *Bacillus amyloliquefaciens* subsp. *amyloliquefaciens* và vi khuẩn đối kháng *Bacillus methylotrophicus*.

- Liều lượng: 3 - 5 tấn chế phẩm PCC/ha (áp dụng cho mật độ từ 600 - 1.000 cây/ha), đảm bảo lượng chế phẩm đạt 5 kg/cây.

- Thời điểm xử lý: Toàn bộ lượng chế phẩm được xử lý trước mùa mưa (tháng 4 hoặc đầu tháng 5, tùy theo điều kiện thời tiết của từng năm).

- Cách xử lý: Chế phẩm được bón theo 2 cách:

+ Bón theo hố: Đào hố ở phần giao tán giữa 4 cây, gom toàn bộ lá khô trên vườn xuống hố (kết hợp với biện pháp vệ sinh vườn), cho 5 kg chế phẩm PCC vào hố, lấp đất phủ kín chế phẩm.

+ Bón theo 2 hàng: Cày hoặc cuốc 1 rãnh (20 x 10 cm) dọc theo 2 hàng ca cao, rải đều lượng chế phẩm (5 kg/cây) và lấp bằng 1 lớp đất mỏng để phủ kín chế phẩm.

2.7. Biện pháp hóa học

a) Sử dụng phun một số loại thuốc sau

- Sử dụng các thuốc có hoạt chất Mancozeb 640 g/kg + Metalaxyl-M 40 g/kg; Metalaxyl hoặc thuốc có hoạt chất Fosetyl Aluminium kết hợp với chất bám dính.

- Nồng độ, liều lượng sử dụng: Theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Thời điểm xử lý thuốc: Phun thuốc 2 lần: lần đầu khi quả mới đậu lứa đầu tiên và phun lần 2 sau đó 1 tháng, phun thuốc phủ đều quả, thân cành và tán lá.

b) Sử dụng thuốc có hoạt chất Phosphorous acid tiêm vào thân cây

- Nồng độ, liều lượng sử dụng: Nồng độ sử dụng để tiêm vào thân cây 50% (1 thuốc:1 nước), liều lượng 40 - 50 ml/cây (tùy theo độ lớn của cây).

- Thời điểm xử lý: Tiêm lần 1 trước mùa mưa (vào cuối tháng 4 hoặc đầu tháng 5 tùy theo tình hình thời tiết từng năm).

- Kỹ thuật tiêm: Chỉ tiêm cho những cây ca cao có đường kính gốc > 15 cm (cây 4 năm tuổi trở lên). Tiêm trên thân chính sao cho vị trí đó thuốc có thể lưu dẫn đều đi các cành. Dùng mũi khoan 0,6 cm khoan vào mô mạch dẫn sao cho lỗ khoan tạo với thân cây một góc 45^{o} hướng mũi khoan về phía trên, độ sâu lỗ khoan khoảng 3 cm. Dùng bơm kim tiêm y tế loại 60ml (phía đầu pi-tông chế dây chun co giãn để tạo áp nén thuốc vào cây).

Hút lượng thuốc 40 - 50 ml (tùy theo độ lớn của cây) vào xi-lanh và tiêm vào cây, kéo đầu dây chun lên đầu pi-tông để nén thuốc. Sau 15 - 30 phút lượng nước thuốc sẽ lưu dẫn hết vào cây. Sau khi rút kim tiêm, dùng vôi nhão bịt kín lỗ tiêm.

2.8. Thu hoạch

- Các giống có quả non màu xanh thì thời điểm thu hoạch có hiệu quả nhất là lúc quả bắt đầu chuyển dần sang màu vàng, giống quả màu đỏ thì thu hoạch khi quả chuyển sang đỏ cam.

- Khi thu hoạch tránh va chạm lưỡi cắt hoặc quả rụng và thân cây để hạn chế sự tổn thương đệm hoa ở các vụ sau, hạn chế sâu bệnh phát sinh gây hại.

- Quả được thu hoạch sau khi tách lấy hạt, phần thịt quả còn lại phải thu gom và xử lý bệnh, tránh phát tán nguồn bệnh■

CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Phòng chống BỆNH LỞ MỒM LONG MÓNG CHO VẬT NUÔI

Bệnh lở mồm long móng (LMLM) là bệnh truyền nhiễm cấp tính, gây thiệt hại kinh tế nghiêm trọng đối với người chăn nuôi. Theo Tổ chức Thú y thế giới (OIE), đây là bệnh dịch xếp đầu tiên ở bảng A. Để hạn chế dịch bệnh LMLM xảy ra trên các đàn vật nuôi, bà con cần nắm vững một số kiến thức sau:

1. Nguyên nhân gây bệnh

Bệnh LMLM do vi-rút gây nên, ở Việt Nam đã phát hiện 3 type chủ yếu gây bệnh là A, O và Asia1. Động vật mắc bệnh LMLM là các loài động vật có móng guốc chẵn như: trâu, bò, lợn, dê, cừu, hươu,...

2. Đường truyền lây

Vi-rút có trong nước bọt, phân, nước tiểu, tinh dịch, sữa, dịch trong các mụn mủ của con bệnh hoặc ở trong không khí, dụng cụ môi trường…

Lây trực tiếp do nhốt chung con bệnh với con khỏe. Lây gián tiếp qua người chăm sóc, phương tiện vận chuyển, dụng cụ chăn nuôi, ở các bãi chăn thả, chất thải chăn nuôi, môi trường có mầm bệnh.

Lợn sau khi khỏi bệnh vẫn bài thải vi-rút trong 1 - 2 tháng, trâu bò có thể thải vi-rút trong 3 - 6 tháng, thậm chí mang vi-rút hàng năm, vì vậy trâu, bò có thể lây bệnh do chăn thả cùng khu vực.

Bệnh lây lan mạnh, có thể từ nước này sang nước khác theo đường vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ở dạng tươi sống (thịt cấp đông, da, xương, sừng, móng, sữa, lông...).

3. Triệu chứng bệnh

- Ở trâu, bò: Thời gian nung bệnh từ 2 - 5 ngày, có thể đến 21 ngày. Trâu, bò mắc bệnh trong 2, 3 ngày đầu sốt cao trên 40^{0}C, kém ăn hoặc bỏ ăn, miệng chảy nhiều dãi và bọt trắng như bọt xà phòng; viêm dạng mụn nước ở lợi, lưỡi, vành mũi, vành móng, kẽ móng, đầu vú. Khi mụn nước vỡ ra làm lở loét mồm và dễ làm long móng.

- Ở lợn: Thời gian nung bệnh 2 - 4 ngày, có thể đến 21 ngày. Lợn mắc bệnh sốt cao liên tục 40 - 41,5^{0}C; lợn chảy dãi, xuất hiện những mụn nước ở vùng quanh móng chân, bàn chân, kẽ móng, các mụn này phát triển thành mảng lớn, vỡ ra, tạo vết loét. Lợn bị bệnh ngại vận động, hay nằm, ăn ít; lợn bị bệnh nặng, có thể di chuyển bằng đầu gối, gây xây xát ở đầu gối. Ở lợn nái, mụn có thể mọc ở núm vú, gây đau nên lợn mẹ không cho lợn con bú, mụn vỡ tạo vết loét có thể gây viêm vú. Lợn nái mang thai sẽ bị sảy thai.

- Dê, cừu: Thời gian nung bệnh 2 - 7 ngày. Dê, cừu mắc bệnh sốt cao 41,5^{0}C trong 2 - 4 ngày, xuất hiện những mụn nước dày đặc xung quanh miệng, sau đó đến chân, vú; mụn nước vỡ ra làm lở loét miệng nên dê, cừu đau miệng khó ăn.

- Thể huỷ diệt, triệu chứng xuất hiện ở đường tiêu hoá hoặc viêm phổi, gia súc chết nhanh trong vòng 12 - 20 giờ nên chưa có triệu chứng nào khác.

4. Bệnh tích

Bệnh tích điển hình của bệnh LMLM là các mụn nước và vết loét ở miệng, móng, vú. Ở thể huỷ diệt có những biến đổi ở cơ vân, cơ tim, có thể gây viêm gan, thận và biến đổi ở lách.

5. Chẩn đoán bệnh

Dựa vào các triệu chứng, bệnh tích điển hình của bệnh: gia súc sốt cao, có các mụn nước và vết loét trên miệng, chân, móng, vú…

Bò mắc bệnh lở mồm long móng: Nhiều dãi, bọt trắng, nốt loét ở miệng, lưỡi và vú

Lợn mắc bệnh lở mồm long móng xuất hiện nhiều vết loét ở chân

Xác định căn nguyên gây bệnh bằng phương pháp ELISA kháng nguyên hoặc phương pháp PCR.

6. Phòng, chống bệnh

6.1. Phòng bệnh

Tăng cường công tác tuyên truyền để mọi người hiểu biết về nguyên nhân, triệu chứng, bệnh tích, tác hại và cách phòng, chống bệnh LMLM.

Thực hiện tốt vệ sinh thú y: Giữ gìn chuồng trại luôn khô ráo, sạch sẽ, định kỳ phun sát trùng. Con giống đưa vào chăn nuôi phải khoẻ mạnh, có nguồn gốc rõ ràng, đã được tiêm phòng LMLM; trước khi nhập đàn phải được nuôi cách ly 21 ngày. Thức ăn, nước uống dùng trong chăn nuôi phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y. Người vào tham quan, nhân viên thú y,... trước khi ra, vào khu vực chăn nuôi phải được vệ sinh, khử trùng và trang bị bảo hộ.

Kiểm dịch nghiêm ngặt khi xuất nhập gia súc giữa các vùng. Thực hiện các quy chế phòng chống bệnh LMLM đúng theo Pháp lệnh Thú y: Cách ly triệt để gia súc ốm, không chăn thả tập trung; thường xuyên thực hiện vệ sinh chuồng trại, bãi chăn thả, dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển... thực hiện tiêu độc, khử trùng khu vực có gia súc nghi mắc bệnh, bị ốm, chết.

Phòng bệnh bằng vắc-xin: Đặc biệt quan tâm tiêm phòng bệnh cho gia súc ở những vùng đã từng xảy ra dịch LMLM, lựa chọn vắc-xin theo dịch tễ từng vùng (theo hướng dẫn của cán bộ thú y). Tiêm phòng vắc-xin LMLM cho trâu bò, lợn, dê lần 1 cho gia súc từ 2 tuần tuổi trở lên (tùy dịch tễ từng vùng mà chọn ngày tiêm cho phù hợp), sau 28 ngày tiêm nhắc lại lần 2, sau đó, cứ 6 tháng tiêm nhắc lại 1 lần.

6.2. Chống dịch

Người chăn nuôi phải thường xuyên theo dõi, quan sát đàn vật nuôi, khi thấy gia súc có hiện tượng ốm, sốt, bỏ ăn, chảy nước dãi, có bọt, có mụn nước ở vùng miệng, quanh móng chân hoặc chết bất thường, phải tiến hành cách ly ngay những con ốm ra khu vực riêng; không được chăn thả, không bán chạy, không giết mổ, vứt xác gia súc chết và chất thải của chúng ra môi trường.

Báo ngay cho thú y hoặc chính quyền địa phương để được hướng dẫn biện pháp xử lý thích hợp; Thực hiện tiêu hủy những con chết, những con ốm nặng không có khả năng hồi phục theo đúng quy trình kỹ thuật có sự giám sát của thú y, không làm phát tán mầm bệnh ra môi trường.

Thực hiện tốt công tác vệ sinh, khử trùng, tiêu độc: Đối với hộ có dịch, phun hóa chất 1 ngày 1 lần, xã có dịch 2 ngày 1 lần, thực hiện liên tục trong suốt thời gian có dịch; Tiêm phòng vắc-xin bao vây ổ dịch, tiêm từ ngoài vào trong, người tiêm phòng phải thực hiện tốt an toàn sinh học không lây lan dịch.

Bệnh LMLM chưa có thuốc điều trị đặc hiệu, biện pháp chủ yếu là nâng cao sức đề kháng tự nhiên cho con vật bằng cách tăng cường công tác chăm sóc nuôi dưỡng như: cho ăn thức ăn mềm dễ tiêu, bổ sung vitamin, điện giải, các thuốc trợ sức, trợ lực; vệ sinh môi trường, luôn giữ nền chuồng khô ráo, sạch sẽ; xử lý các vết loét bằng cách bôi các loại thuốc sát trùng như xanh methylen, cồn iod hoặc nước chanh, khế, tiêm kháng sinh để chống bội nhiễm.

Theo quy định hiện hành, nếu gia súc bị bệnh LMLM bắt buộc phải tiêu hủy sẽ được nhà nước hỗ trợ kinh phí khoảng 70% giá trị của gia súc thương phẩm tại thời điểm xảy ra dịch.

Để hạn chế dịch bệnh xảy ra, đảm bảo an toàn cho vật nuôi, đề nghị các hộ chăn nuôi nắm vững và áp dụng tốt các biện pháp nêu trên nhằm hạn chế thiệt hại do dịch bệnh gây ra■

TS. NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

HỘP THƯ KHUYẾN NÔNG

Hỏi: ***Tôi trồng 500 cây bạch đàn được 6 tháng tuổi, hiện cây bị sâu cuốn lá làm cụt ngọn, có nhiều bọ đen bám trên lá, có cây thân bị sùi. Xin hỏi cây bạch đàn bị bệnh gì và cách khắc phục?***

Trần Văn Hữu,
Tứ Yên, Sông Lô, Vĩnh Phúc

Đáp:

Theo mô tả, cây bạch đàn nhà anh đã bị 2 đối tượng là sâu cuốn lá và ong xanh gây hại tạo các vết sùi trên thân cành. Biện pháp khắc phục như sau:

Đối với sâu cuốn lá, anh sử dụng một trong các thuốc trừ sâu như: Actara 25WG, Padan 95SP, Regent 800WG, Karate 2.5EC,... để phun trừ theo nồng độ khuyến cáo và phun lại lần 2 sau 5 - 7 ngày.

Đối với ong xanh, anh có thể sử dụng một số loại thuốc trừ sâu sinh học hoặc hóa học có bán ở các cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật để phun trừ khi cây ở vườn ươm và vườn mới trồng các năm đầu. Ngoài ra, để phòng hiện tượng ong xanh gây hại cây bạch đàn, anh nên chọn các giống bạch đàn ít bị ong gây hại và có sức sinh trưởng mạnh để trồng. Đồng thời, cần bảo vệ môi trường rừng trồng, tận dụng các loài kẻ thù tự nhiên để tiêu diệt ong.

Hỏi: ***Ao có diện tích 1.800 m² nuôi cá trắm, trôi, chép được 7 tháng tuổi, cá trôi được 0,7 kg/con có hiện tượng vây đuôi tím đỏ xuất huyết và chết. Các loài cá khác vẫn bình thường. Xử lý nước bằng Sunphat đồng nhưng cá vẫn chết. Xin hỏi nguyên nhân và cách khắc phục?***

Vũ Văn Hậu,
Ân Thi, Hưng Yên

Đáp:

Với biểu hiện như trên, cá trắm cỏ bị bệnh nhiễm khuẩn đốm đỏ xuất huyết. Cách khắc phục như sau:

- Vệ sinh môi trường nuôi, thường xuyên làm sạch nước bằng vôi nung (CaO), liều lượng 1 - 2 kg/100 m^3 nước, định kỳ 15 ngày bón 1 lần.

- Khử trùng nước ao bằng Vicato liều lượng 0,5 - 0,8 g/m^3 nước, định kỳ 10 ngày bón 1 lần.

- Sau bón Vicato 2 ngày bón 1 trong các chế phẩm vi sinh: Bio DW, EMC, Navet-Biozym để phân hủy các chất dư thừa và phân cá làm ô nhiễm trong ao.

- Cho cá ăn thuốc thảo dược: KN-04-12, liều lượng 4 g thuốc/kg cá/ngày, cho cá ăn 5 - 7 ngày liên tục. Hoặc cho ăn tỏi tươi giã ra trộn với cám gạo liều lượng 0,5 kg/100 kg cá/ngày, cho cá ăn 3 - 5 ngày liên tục. Hoặc kháng sinh Oxytetracylin, liều lượng 100 mg/kg cá/ngày đầu, từ ngày thứ 2 đến ngày thứ 7 cho ăn 50 mg/kg cá/ngày.

- Cho cá ăn vitamin C, liều lượng 20 - 30 mg/kg cá/ngày, cho cá ăn liên tục 7 - 10 ngày, định kỳ 1 tháng cho ăn 2 - 3 lần.

Hỏi: ***Gia đình tôi nuôi chim bồ câu, gần đây chim đi ngoài phân xanh, cơ thể gầy. Xin hỏi nguyên nhân và biện pháp khắc phục?***

Nguyễn Văn Sơn,
Hòa Bình

Đáp: Chim bồ câu ủ rũ, kém ăn có thể do các nguyên nhân:

1. Bệnh Newcastle: Nên phòng bệnh cho chim bồ câu bằng vắc-xin (nhỏ Lasota cho chim non dưới 2 tháng tuổi, tiêm vắc-xin H1 hoặc Newcastle nhũ dầu cho chim trên 2 tháng tuổi).

2. Bệnh do *E. coli, Salmonella* gây nên.

Điều trị:

- Điều trị bệnh có thể dùng một trong các thuốc sau (trộn thức ăn hoặc nước uống): Ampicol, Gentadox, Gentacostrim, Doxygen; hoặc tiêm Gentamicin, Lincospecto liều theo hướng dẫn sử dụng của hãng thuốc.

- Kết hợp bổ sung vitamin; khi hết liệu trình kháng sinh, bổ sung men tiêu hoá để tăng vi sinh vật có lợi đường ruột, tăng khả năng tiêu hoá thức ăn; tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng và vệ sinh sát trùng chuồng nuôi và khu vực chăn nuôi.

Phòng bệnh:

- Vệ sinh chuồng trại, phun sát trùng trong, ngoài chuồng nuôi theo định kì.

- Đảm bảo vệ sinh thức ăn và nước uống.

- Tăng cường chăm sóc nuôi dưỡng, bổ sung các vitamin.

Tập huấn khuyến nông

Giờ tập huấn hiện trường
Lớp học rất khẩn trương
Tập trung nơi đồng ruộng
Chờ cán bộ sẽ xuống
Hướng dẫn giúp bà con
Cách chăm cây mạ non
Cách phòng bệnh hiệu quả
Không bón đạm nhiều quá
Để lúa được cứng cây
Không bị sâu bệnh lây
Thích ứng nhiều bất lợi
Đẻ được nhiều nhánh mới
Ngay giai đoạn đầu tiên...

Rồi cán bộ cũng khuyên
Không trừ sâu thời điểm
Từ lúc lúa ra lá
Đến khi lúa đẻ thân
Dù có bị sâu ăn
Lúa đền bù nhanh chóng
Nuôi thiên địch triển vọng
Giết sâu hại được nhiều
Để đồng ruộng phì nhiêu
Lúa càng thêm năng suất.

Nơi bờ xôi ruộng mật
Luôn có Khuyến nông về
Tô thắm đẹp làng quê
Cho tiếng cười rộn rã
Cho bội thu hiệu quả
No ấm ở mỗi mùa.

Chúng tôi sẽ thi đua
Là học viên tiên tiến
Là điển hình lao động
Cho nông nghiệp mạnh giàu.

Xin gửi gắm đôi câu
Tới những người sát cánh
Khuyến nông sâu là vậy
Xin được cảm ơn nhiều!

TRẦN THỊ LIÊN
Trạm Khuyến nông huyện Nam Sách, Hải Dương

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐE DỌA TƯƠNG LAI NGÀNH CÀ PHÊ VIỆT NAM

Dồn dập những tin không vui đến với Ngành Cà phê khi xuất khẩu sụt giảm 40%, giá chạm mức thấp nhất nhiều tháng, nắng nóng và khô hạn, trong bối cảnh đất đai trở nên bạc màu và nguồn nước dần cạn kiệt.

Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam (Vicofa) ngày 8/5 công bố báo cáo cho biết niên vụ cà phê 2014/2015 đã thu hoạch xong với sản lượng giảm 20% so với niên vụ trước. Hạn hán kéo dài đã ảnh hưởng đến tất cả 5 tỉnh khu vực Tây Nguyên - nơi chiếm 60% sản lượng của cả nước. Nhiều diện tích cà phê ở Đắk Lắk - nơi góp 30% sản lượng cà phê cả nước năm ngoái - đã chết khô từ tháng 3. Tỉnh Lâm Đồng cũng trong tình trạng tương tự.

Nghịch lý là trong khi vụ mùa tới sản lượng có thể sẽ giảm mạnh thì xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm 2015 lại giảm gần 40% so với cùng kỳ năm ngoái, ước tính chỉ đạt 578 nghìn tấn, trị giá 1,2 tỷ USD (giảm lần lượt 39,4% và 38%). Liên Hợp Quốc dự báo sự biến đổi khí hậu sẽ làm cho nhiệt độ tăng 2,3^{0}C vào năm 2100. Số ngày nóng ở Tây Nguyên dự báo sẽ tăng lên 134 ngày vào năm 2050 và 230 ngày vào năm 2100.

Theo Vinanet

XUẤT KHẨU SANG THỔ NHĨ KỲ: GẠO GIẢM, RAU TĂNG

Thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại Thổ Nhĩ Kỳ, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang quốc gia này tiếp tục giảm mạnh, trong khi mặt hàng rau và hoa quả lại tăng cao.

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, giá trị xuất khẩu gạo từ Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong 3 tháng đầu năm chỉ còn 249.000 USD, giảm 72,28% (tương đương 651.000 USD) so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguyên nhân do sản xuất nông nghiệp của Thổ Nhĩ Kỳ đã dần hồi phục sau một năm hạn hán. Ngoài ra, chủng loại gạo xuất khẩu của Việt Nam không phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của người Thổ Nhĩ Kỳ. Vì gạo của Việt Nam có hạt nhỏ (1.000 hạt nặng trung bình 15 g) trong khi người dân ở đây tiêu thụ loại gạo có kích thước hạt lớn hơn (1.000 hạt nặng 25 g) từ nguồn sản xuất nội địa hoặc nhập chủ yếu từ Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, mặt hàng rau và hoa quả tăng mạnh. Đạt giá trị đã nhập hơn 409.400 đô la Mỹ trong Qúy I - 2015, so với con số hơn 72.000 đô la Mỹ cùng kỳ năm ngoái. Đây cũng là mặt hàng có mức tăng trưởng cao nhất trong số các mặt hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang Thổ Nhĩ Kỳ trong ba tháng đầu năm 2015.

Theo Thesaigontimes

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

NĂM 2015, TÔM CHÂU Á GẶP KHÓ VÌ GIÁ GIẢM

Tại Hội chợ Thủy sản Brussel, các nhà xuất khẩu (XK) châu Á cho biết, năm 2015 thực sự khó khăn vì giá tôm giảm xuống mức thấp, mặc dù một số nước như Ấn Độ và Indonesia cũng có lợi nhờ XK tôm vì đồng nội tệ của họ giảm giá so với đồng USD.

Giá tôm tính theo USD ở mức khá thấp. Tôm chân trắng còn vỏ bỏ đầu có giá 3,6 USD/kg - mức thấp nhất trong 6 năm qua. Các nhà nhập khẩu của Mỹ vẫn còn lượng tồn kho từ năm ngoái, trong khi khách hàng châu Âu hạn chế mua do biến động tỷ giá, do vậy các nhà XK phải tìm kiếm thị trường mới. Một công ty XK của Thái Lan cho biết, sản lượng tôm của nước này hồi phục chậm và XK sang thị trường Mỹ trì trệ trong 2 tháng đầu năm. Trong khi đó sản lượng tôm của Ấn Độ tiếp tục tăng.

Một nguyên nhân nữa làm giảm XK sang Mỹ là do nhà nhập khẩu nước này quay sang nguồn cung Mỹ La tinh thay cho nguồn cung châu Á. Tuy nhiên, đó chỉ là một phần vì Mỹ La tinh không cung cấp được các sản phẩm chế biến sâu như các nhà XK châu Á như tôm thịt và tôm xẻ lưng mà thị trường Mỹ vẫn ưa chuộng.

Theo Vinanet

SẢN LƯỢNG ĐÁNH BẮT CÁ CƠM PERU DỰ KIẾN SẼ TĂNG ÍT NHẤT 30% TRONG NĂM 2015

Sản lượng đánh bắt cá cơm Peru - nước xuất khẩu bột cá hàng đầu thế giới - sẽ tăng ít nhất 30% trong năm 2015, sau mùa đánh bắt cá công nghiệp đầu tiên trong gần 1 năm mở vào cuối tháng 4.

Hoạt động đánh bắt cá nước lạnh, được sử dụng sản xuất bột cá và dầu cá, dường như đã hồi phục từ hiện tượng El Nino năm ngoái, làm nóng Thái Bình Dương, cho phép Chính phủ giảm hạn chế đánh bắt cá. Năm 2014, sản lượng cá cơm của Peru giảm xuống còn 2,2 triệu tấn - khoảng 1/3 sản lượng đánh bắt cá hàng năm trong mấy năm gần đây - sau khi các tàu công nghiệp chỉ có thể đánh bắt 68% trong hạn ngạch cho phép của họ trong niên vụ chính đầu tiên và Chính phủ quyết định không mở vụ thứ hai.

Peru sản xuất khoảng 30% trong tổng sản lượng bột cá toàn cầu từ nguồn đánh bắt cá dồi dào. Vụ thu hoạch cá cơm chính của Peru, dọc theo bờ biển miền Trung và miền Bắc, sẽ mở vào tháng 4 hoặc tháng 5.

Theo Vinanet

THÔNG TIN KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
TS. Phan Huy Thông

BAN BIÊN TẬP:
TS. Trần Văn Khởi
TS. Hạ Thúy Hạnh
ThS. Kim Văn Tiêu
TS. Nguyễn Viết Khoa
ThS. Nguyễn Văn Lung
TS. Nguyễn Thị Liên Hương
ThS. Hoàng Văn Hồng
ThS. Lương Tiến Khiêm
ThS. Đỗ Phan Tuấn

THƯ KÝ BIÊN TẬP:
ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

TRỤ SỞ TÒA SOẠN:
16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
ĐT: 04. 37711265 - 04. 37282485
Email: tthlknqg@gmail.com
Website: www.khuyennongvn.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 32/GP-XBBT ngày 18/4/2014

Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông

Phát hành 01 số/tháng

Thiết kế và in tại Công ty TNHHMTV Nhà xuất bản Nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và PTNT

Bìa 1: *Các đại biểu thăm mô hình trồng tiêu áp dụng công nghệ tưới nhỏ giọt của hộ anh Lê Hữu Huấn (người đứng bên phải) tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai*

Ảnh: *Thu Hằng - TTKNQG*

TRONG SỐ NÀY

THÔNG TIN CHỦ TRƯƠNG, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

- Kết luận của Bộ trưởng Cao Đức Phát tại Hội nghị Phát triển sản xuất sắn bền vững 1

HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

- Hội nghị Sơ kết sản xuất vụ đông xuân 2014 - 2015 và định hướng sản xuất vụ đông 2015 các tỉnh phía Bắc 2

SỰ KIỆN KHUYẾN NÔNG

- Để phát triển hồ tiêu bền vững! 3

HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

- Đắk Nông: Hiệu quả của phương pháp tập huấn tại mô hình ở huyện Đắk Glong 5
- Quảng Trị: Hiệu quả từ một mô hình khuyến ngư 6

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

- Huyện Đông Triều đón nhận danh hiệu huyện đạt chuẩn nông thôn mới 2015 7

MÔ HÌNH, ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN

- Bắc Ninh: Người thành công với giống bưởi ruột đỏ Ái Nhân 9
- Tiền Giang: Hiệu quả các mô hình sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu 10
- Thái Nguyên: Hạt Kiểm lâm huyện Phú Lương làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng 12
- Quảng Nam: Nghị lực vươn lên làm giàu của người thanh niên nghèo 13
- Đồng Nai: Bí quyết hoạt động hiệu quả của Câu lạc bộ IPM xã An Phước 14
- Phú Yên: Tỷ phú nuôi tôm thẻ chân trắng 15
- Hòa Bình: Làm giàu từ mô hình nuôi dê 16

KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

- Bệnh đốm trắng ở tôm nuôi và công nghệ nuôi tôm nhằm phòng, chống bệnh đốm trắng 17
- Kỹ thuật khai thác và nuôi dưỡng măng tre 19
- Phòng chống sâu đục thân mía 4 vạch đầu nâu *(Quy trình kỹ thuật tạm thời)* 20
- Quy trình phòng trừ tổng hợp bệnh thối đen quả ca cao 21
- Phòng chống bệnh lở mồm long móng cho vật nuôi 24

HỎI, ĐÁP VÀ TRAO ĐỔI 26

TRANG VĂN NGHỆ 27

TIN THỊ TRƯỜNG 28

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Hoàng Văn Thắng cùng các đại biểu trao đổi về công nghệ tưới nước tiết kiệm cho sản xuất rau tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng

Ảnh: Trần Văn - Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Giám đốc TTKNQG Phan Huy Thông cùng đoàn công tác thăm và làm việc tại Trung tâm Phát triển cộng đồng (CDC)

Ảnh: Thu Hằng - Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Phó Giám đốc TTKNQG Hạ Thúy Hạnh trao đổi cùng chủ trang trại và các đại biểu về kinh nghiệm nuôi lợn rừng đen tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

Ảnh: Nguyệt Thư